

Số: 39./2020/CV-TIE
No: 39./2020/CV-TIE

TP. HCM, ngày 21 tháng 05 năm 2020
TP. HCM, day 21 month 05 year 2020

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội/ *Ha Noi Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty Cổ phần TIE
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: TIE
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP.HCM
- Điện thoại/ *Telephone*: 028 38330855
- Fax: 028 38332754
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông Trần Thế Vinh
- Chức vụ/ *Position*: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Công ty Cổ phần TIE công bố Báo cáo thường niên năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày:

21./05/2020 tại đường dẫn : <http://www.tiegroupp.com.vn>.

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 21./05/2020 Available

at: http://www.tiegroupp.com.vn.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Trần Thế Vinh

Tài liệu đính kèm/Attachment

Tài liệu liên quan đến việc CBTT/ Documents related to the disclosure

- Báo cáo thường niên năm 2019

TIE



TIE Stationery
Đồng hành với những Ước Mơ

TIE Stationery được thành lập nhằm thực hiện mục tiêu đưa TIE trở thành nhà cung cấp văn phòng phẩm hàng đầu Việt Nam, với những thương hiệu quen thuộc và người tiêu dùng như Aladdin và Bèng Hề.



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 08, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại: (028) 38 330 855
Fax: (028) 38 332 754
Website: www.tiegroupp.com.vn
Email: tie@tie.com.vn

2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

MỤC LỤC

5

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

27

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

43

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu

53

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán

63

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- Kế hoạch và định hướng

69

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Mục tiêu phát triển bền vững
- Báo cáo phát triển bền vững

77

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

83

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN



THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
Tên giao dịch	TELECOMMUNICATIONS - INDUSTRY ELECTRONICS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	TIE JSC
Giấy CNĐKDN số	0301173454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 13/07/2004 và thay đổi lần 19 ngày 08/11/2017
Vốn điều lệ	95.699.000.000 VNĐ (Chín mươi lăm tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu đồng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.699.000.000 VNĐ (Chín mươi lăm tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu đồng)
Địa chỉ	262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 08, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	<u>(028) 38 330 855</u>
Số fax	<u>(028) 38 332 754</u>
Website	www.tiegroup.com.vn
Email	tie@tie.com.vn
Mã cổ phiếu	TIE



LOGO CỦA CÔNG TY





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1990	<ul style="list-style-type: none"> Xí nghiệp điện tử quận 10 trực thuộc công ty xuất nhập khẩu điện tử quận 10 (Tenimex) ra đời.
1992	<ul style="list-style-type: none"> Tách ra khỏi Công ty Xuất nhập khẩu quận 10, trở thành Công ty Sản xuất – Kinh doanh Xuất nhập khẩu Điện – Điện tử quận 10.
1994	<ul style="list-style-type: none"> Ký hợp đồng liên doanh với tập đoàn Samsung Electronics Co., Ltd (Hàn Quốc), thành lập Công ty Điện tử Samsung Vina.
1996	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức gia công xuất khẩu sản phẩm cuộn cảm cho Công ty Thomson CFS (đổi tên thành Thales Group vào năm 2000).
2000	<ul style="list-style-type: none"> Nhà phân phối chính thức màn hình vi tính Samsung tại Việt Nam.
2002	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập Chi nhánh TIE Hà Nội.
2003	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập Trung tâm bảo hành ủy quyền Samsung.
2004	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 07/2004, chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, lấy tên gọi Công ty cổ phần TIE Tháng 08/2004, thành lập Chi nhánh TIE Phú Quốc.
2006	<ul style="list-style-type: none"> Trung tâm ủy quyền chính thức của Casio tại Việt Nam.
2009	<ul style="list-style-type: none"> Liên doanh với công ty Applied Technology Precision Lid., thành lập Công ty TNHH Dụng cụ điện Việt Nam (PTV) sản xuất các thiết bị điện cầm tay; Tháng 3/2009, nhà phân phối chính thức màn hình vi tính Hanns.G (Đài Loan) tại Việt Nam; Tháng 10/2009, thành lập Chi nhánh TIE Cần Thơ; Tháng 10/2009, nhà phân phối chính thức màn hình LG Network tại Việt Nam; nhà phân phối các thiết bị điện tử A-Data; trung tâm bảo hành ủy quyền của Hannspree tại Việt Nam; Tháng 12/2009, được Quacert cấp giấy chứng nhận ISO 9001:2008; Tháng 12/2009, cổ phiếu Công ty cổ phần TIE chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE).

2010	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 2/2010, chính thức trở thành nhà phân phối máy tính tiền của đối tác Trung Quốc tại Việt Nam. Dòng sản phẩm này đã được mang thương hiệu của TIE; Tháng 9/2010, ký kết hợp đồng gia công cho đối tác MICROSPIRE thuộc tập đoàn EXXELIA (Pháp).
2011	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 9/2011, nhà phân phối chính thức màn hình vi tính Philips tại Việt Nam; Tháng 10/2011, khai trương Trung tâm bảo hành Samsung tại Chi nhánh 760 Điện Biên Phủ, quận 10, TP HCM.
2013	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 3/2013 TIE chính thức trở thành nhà phân phối laptop Gigabyte tại Việt Nam.
2014	<ul style="list-style-type: none"> Khai trương cửa hàng Coop Phú Quốc. Thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần TIE - Trung tâm điều hành Du lịch. Khai trương Trung tâm điều hành du lịch Công ty cổ phần TIE & Trung tâm điều hành hệ thống định vị toàn cầu;
2015	<ul style="list-style-type: none"> Được UBND Thành phố HCM cấp Chứng nhận Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh tiêu biểu năm 2015.
2016	<ul style="list-style-type: none"> Được Hội Sở Hữu Trí tuệ Việt Nam cấp Chứng nhận TIE đạt TOP 100 NHÃN HIỆU NỔI TIẾNG VIỆT NAM; Trong năm 2016, TIE đã chấm dứt hoạt động của Chi nhánh tại Cần Thơ và Đà Nẵng do các Chi nhánh này không còn đáp ứng vai trò trung chuyển hàng hóa và đã hoạt động không hiệu quả trong suốt thời gian qua. Tháng 07/2016, Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Văn hoá TIE, chuyên sản xuất tập học sinh cao cấp.
2018	<ul style="list-style-type: none"> Tháng 12/2018 chấm dứt hoạt động chi nhánh công ty tại huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Để đẩy mạnh mảng kinh doanh văn phòng phẩm, Công ty đã mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Bến Nghé.
2019	<ul style="list-style-type: none"> Cổ phiếu TIE bị huỷ niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh do Tổ chức kiểm toán có “ý kiến kiểm toán trái ngược” đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 được kiểm toán. Cổ phiếu TIE được chuyển sang giao dịch tại Sàn UPCOM. Để thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Bến Nghé cho đơn vị liên kết là Công ty Cổ phần Văn hoá TIE



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

STT	Nơi cấp	Thành tích	Thời gian	Người ký
1	Sở lao động – thương binh và xã hội Thành phố Hồ Chí Minh	Giấy khen	06/03/2012	Giám đốc
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau	Bằng khen	27/07/2012	Chủ tịch
3	Công An Thành phố Hồ Chí Minh	Giấy khen	29/10/2012	Giám đốc
4	Tạp chí Truyền hình – Đài truyền hình Việt Nam	Bằng khen	29/12/2012	Giám đốc
5	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Tập thể lao động xuất sắc năm 2012	16/04/2013	Chủ tịch UBND TP.HCM
6	Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh	Giấy khen	23/05/2013	Giám đốc
7	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh tiêu biểu năm 2013	11/10/2013	Chủ tịch UBND TP.HCM
8	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Tập thể lao động xuất sắc năm 2013	10/03/2014	Chủ tịch UBND TP.HCM
9	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Bằng khen UBND Thành phố Hồ Chí Minh năm 2013	10/03/2014	Chủ tịch UBND TP.HCM
10	Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam và Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam	Chứng nhận đạt 3K tại Việt Nam: <ul style="list-style-type: none"> • Không có sản phẩm thiếu nguồn gốc xuất xứ; • Không có sản phẩm là hàng giả, hàng nhái; • Không có sản phẩm xâm phạm quyền Sở hữu trí tuệ. 	18/05/2014	Chủ tịch Hiệp hội
11	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Tập thể lao động xuất sắc năm 2014	18/05/2015	Chủ tịch UBND TP.HCM

STT	Nơi cấp	Thành tích	Thời gian	Người ký
12	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu	10/10/2015	Chủ tịch UBND TP.HCM
13	Hội Sở Hữu Trí tuệ Việt Nam	Chứng nhận TIE đạt TOP 100 NHÃN HIỆU NỔI TIẾNG VIỆT NAM.	16/07/2016	Chủ tịch
14	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho Công ty cổ phần TIE	15/08/2016	Chủ tịch
15	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Tặng Bằng khen cho Công ty cổ phần TIE đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2014-2015) góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố	15/08/2016	Chủ tịch





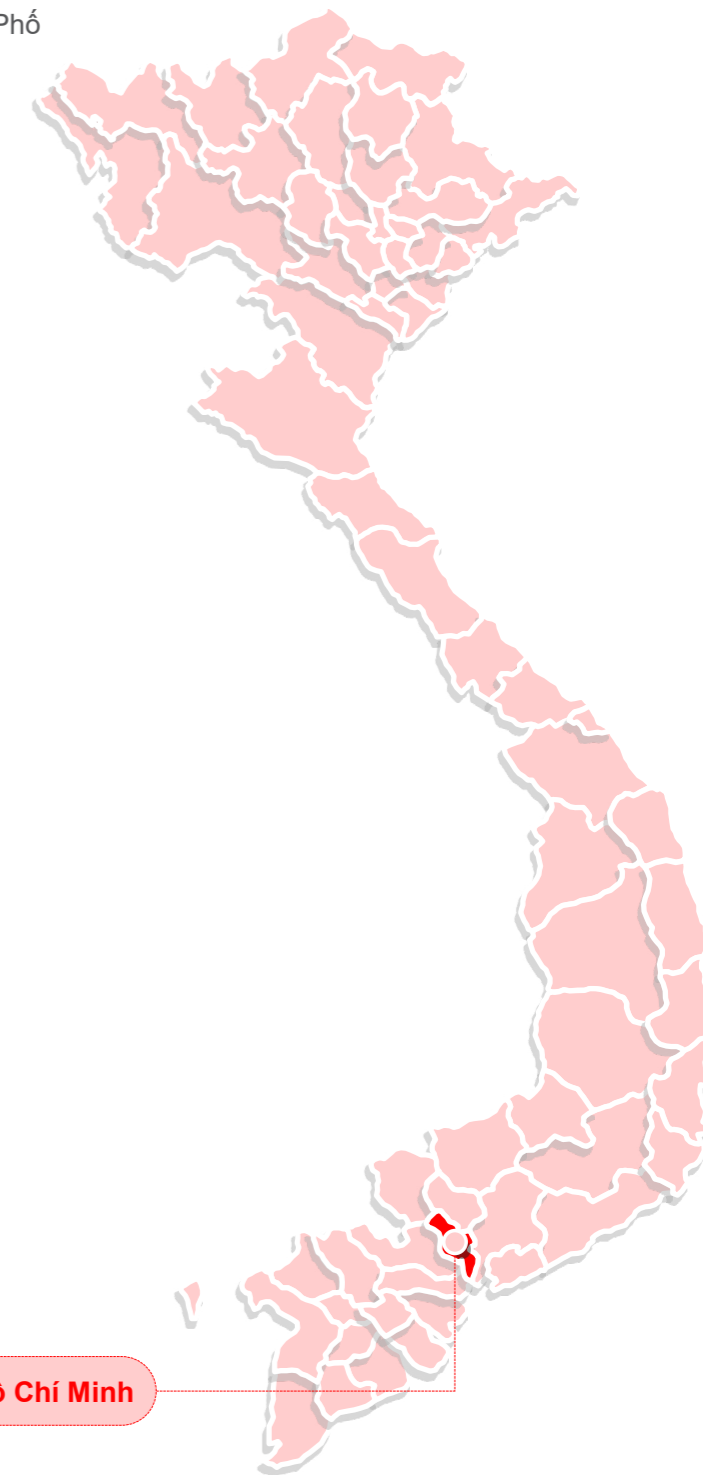
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Phân phối các sản phẩm giấy, tập, văn phòng phẩm;
- Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; sản xuất và kinh doanh các thiết bị lạnh, máy phát điện, động cơ và phụ tùng rời cung cấp cho ngành điện lực (trừ tái chế phế thải nhựa – kim loại);
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu linh kiện điện tử, máy móc đo lường thí nghiệm điện – điện tử - thiết bị viễn thông; mua bán tư liệu sản xuất hoá chất, vật tư, nguyên phụ liệu, thiết bị phụ tùng, máy móc phục vụ sản xuất công nông nghiệp, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, hàng tiêu dùng và phương tiện vận tải và phụ tùng, dịch vụ lao động;
- Thiết lập mạng lưới thiết bị Internet, cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng; sản xuất lắp ráp thiết bị bưu chính viễn thông. Sản xuất gia công, mua bán các sản phẩm cơ khí;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa;
- Vận chuyển hành khách bằng đường thủy, bằng Taxi, theo hợp đồng, cho thuê nhà xưởng và kho bãi;
- Các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên Internet: dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy nhập cơ sở dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), dịch vụ FAX nâng cao hay gia tăng giá trị bao gồm lưu trữ và gửi, lưu giữ và truy cập, dịch vụ chuyển đổi mã, hiệu, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, các dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Bưu chính Viễn thông.
- Đại lý ký gởi hàng hoá; tư vấn, thiết kế, lắp đặt mạng máy tính; kinh doanh màn hình máy tính, TV, máy tính tiền Casio, các sản phẩm văn phòng phẩm, giấy tập, dụng cụ học sinh;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, cho thuê văn phòng.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

TIE hiện nay hoạt động với trụ sở chính tại Thành Phố Hồ Chí Minh và hệ thống phân phối khắp cả nước.



Thành phố Hồ Chí Minh

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC BỘ MÁY

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

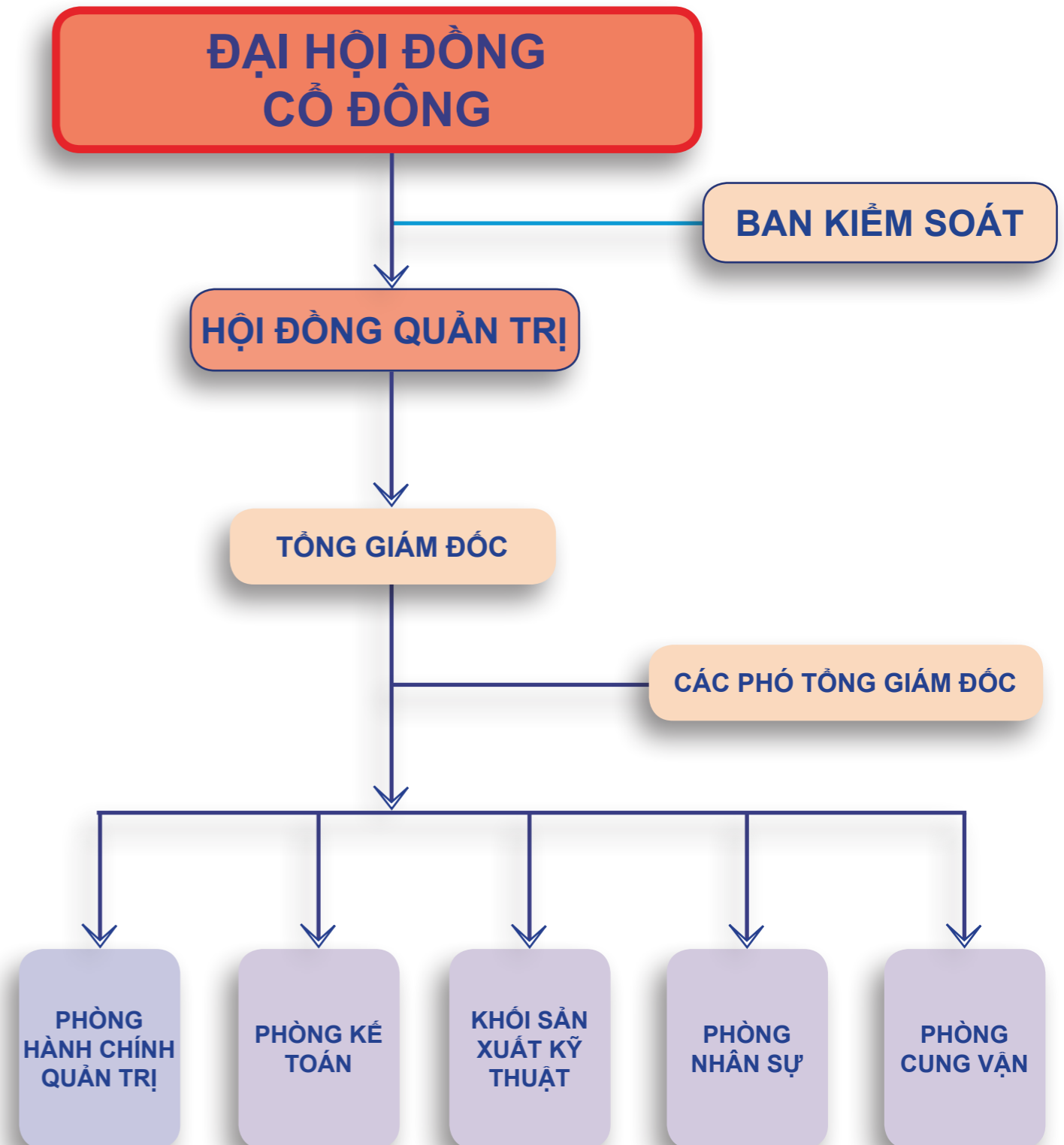
TIE được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (3 người gồm Chủ tịch HĐQT và các TV HĐQT);
- Ban điều hành công ty bao gồm 01 Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm chính trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nội dung công việc được phân công và ủy quyền;
- Ban Kiểm Soát (03 người – Trưởng ban và các TV BKS).

Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của công ty hiện có 07 Phòng ban và bộ phận



TỔ CHỨC BỘ MÁY



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC BỘ MÁY

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

STT	Tên công ty	Vốn góp (đồng)	% Vốn điều lệ
1	Công ty TNHH Văn Phòng Phẩm TIE Miền Bắc	27.000.000.000	90,00%
2	Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	2.590.000.000	51,00%
Tổng cộng		29.590.000.000	

Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn

- Địa chỉ: 760 Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 4.590.000.000 đồng
- Đăng ký KD số : 0312554596 ngày 19/11/2013 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp
- Tỷ lệ góp vốn của TIE: 51,00%, thực góp đến 31/12/2018 : 2.590.000.000 đồng
- Lĩnh vực SXKD chính: Thiết kế, kinh doanh phần mềm, thiết bị điện tử và máy vi tính.
- Đã có chủ trương giải thể ngày: 21/07/2016 và hoàn tất thủ tục trong quý 1/2020.

Công ty TNHH Văn Phòng Phẩm TIE Miền Bắc (tên cũ là Công ty TNHH Vĩnh Tiến – TIE)

- Trụ sở chính: Số 68, Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận I, TPHCM
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
- Đăng ký KD số: 0801093503 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp.
- Tỷ lệ góp vốn của TIE: 90,00%, đã góp đủ vốn.
- Lĩnh vực SXKD chính: Sản xuất và bán buôn các sản phẩm tập giấy.

Về việc chuyển nhượng vốn góp

Vốn góp của TIE tại Công ty CP SX TM Bến Nghé và Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Bến Nghé đã được chuyển nhượng trong quý 3/2019.

CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên công ty	Vốn góp (đồng)	% Vốn điều lệ
1	Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE	8.400.000.000	20,00%
2	Công ty Cổ phần Văn hóa TIE	29.240.000.000	43,00%
Tổng cộng		37.640.000.000	

Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE

- Trụ sở chính: 41/7 đường TMT 03, khu phố 1, P. Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.HCM
- Vốn điều lệ: 42.000.000.000 đồng.
- Đăng ký KD số: 0313435866 ngày 10/09/2015 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp
- Tỷ lệ góp vốn của TIE: 20%,
- Lĩnh vực SXKD chính: Đại lý vé tàu, vé máy bay; Khách sạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; Sản xuất da mặt; Cắt tóc, làm đầu, gội đầu; Cho thuê xe có động cơ; Đại lý du lịch; Điều hành tour du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.

Công ty Cổ phần Văn Hóa TIE

- Trụ sở chính: 63 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 68.000.000.000 đồng.
- Đăng ký KD số: 0313937520 ngày 28/07/2016 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp
- Tỷ lệ góp vốn của TIE: 43%
- Lĩnh vực SXKD chính: Buôn bán sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm, bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh (có nội dung được phép ban hành).

ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Tên công ty	Vốn góp (đồng)	% Vốn điều lệ
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	8.674.710.000	0,72%
2	Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	37.320.000.000	16,00%
Tổng cộng		45.994.710.000	

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



Tầm nhìn

- Về kinh doanh, dịch vụ: Mục tiêu trở thành một trong những công ty phân phối hàng đầu và bán lẻ chuyên nghiệp tại Việt Nam trong lĩnh vực văn phòng phẩm, hàng tiêu dùng
- Về sản xuất – gia công xuất khẩu : Mục tiêu trở thành công ty chuyên sản xuất, gia công Tập viết học sinh – văn phòng phẩm chất lượng cao.
- Về đầu tư: Mục tiêu trở thành nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh, năng động và chuyên nghiệp.



Sứ mệnh

TIE quyết tâm không ngừng đổi mới, cải tiến, khai thác các thế mạnh của mình để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước, mang đến những sản phẩm chất lượng, có ích cho cộng đồng và nỗ lực mang lại lợi ích cổ đông Công ty.



Triết lý kinh doanh

“Hợp tác kinh doanh, chia sẻ lợi nhuận”, Công ty Cổ phần TIE sẵn sàng hợp tác với các đối tác để cùng phát triển lâu dài.”

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Để tiếp bước chặng đường 25 năm xây dựng và phát triển, mục tiêu chủ yếu của TIE đến 2023 được đề ra như sau:

- Trở thành công ty chuyên sản xuất, gia công xuất khẩu các sản phẩm văn phòng phẩm
- Phát triển thị trường và đa dạng hóa sản phẩm hiện đang sản xuất và phân phối nhằm phát huy thế mạnh cốt lõi của TIE dựa vào năng lực tài chính sẵn có để tối đa hóa doanh thu và tỷ suất sinh lời. Trong đó, TIE tập trung sử dụng nguồn nhân lực hiện thời và củng cố, phát triển hệ thống đại lý, nhà phân phối đang có.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



CHIẾN LƯỢC KINH DOANH TRONG NĂM 2020

TIE đã đạt được thoả thuận là đối tác chiến lược và phân phối độc quyền các sản phẩm tập của Công ty Cổ phần Văn hoá TIE và các sản phẩm văn phòng phẩm của Công ty Bến Nghé, đồng thời là nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào chủ lực cho các đơn vị trên. Điều này giúp TIE có cơ sở vững chắc để làm nền tảng phát triển định hướng kinh doanh theo đó trở thành một đơn vị hoạt động chủ lực trong ngành văn phòng phẩm và hàng tiêu dùng.

✓ Sản phẩm mới, thị trường mới

Aladdin và Bến Nghé sẽ tiếp tục được đầu tư để mở rộng thị trường phân phối ra cả nước, duy trì là những thương hiệu thuộc nhóm dẫn đầu thị trường về thị phần trong nước; đồng thời từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước trong khối Asean, Nam Mỹ và Châu Phi.

✓ Nguồn cung cấp

TIE Group và các đối tác kinh doanh các sản phẩm chọn lọc và xác định mục tiêu chất lượng theo đó, các sản phẩm của TIE và các đối tác chiến lược phát triển là những sản phẩm sử dụng nguồn nguyên liệu đa dạng có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài như Thụy Sĩ, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, các quốc gia Trung Đông và một số nước Asean ... đảm bảo các tiêu chí về chất lượng, chi phí cạnh tranh để sản xuất các sản phẩm tập học sinh thương hiệu Aladdin, bút bi và văn phòng phẩm Bến Nghé.



MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Bên cạnh việc tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động đến môi trường, Công ty chú ý tăng cường kiểm soát, quản lý chặt chẽ các vấn đề về sản xuất, tiêu thụ nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, giảm thiểu tác động đáng kể đến môi trường, với các biện pháp cụ thể như sau:

- Tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt nhằm tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên;
- Đề cao việc sử dụng các sản phẩm thân thiện, không gây ô nhiễm môi trường, khuyến khích toàn thể nhân viên tái sử dụng trong quá trình làm việc, sản xuất;
- Nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên thông qua đào tạo kiến thức về công tác bảo vệ môi trường. Chính sách này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBCNV Công ty để mọi người thấu hiểu và đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.



MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

- Đối với khách hàng: Công ty luôn mang đến cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ an toàn, chất lượng cao, nhằm xây dựng niềm tin cho khách hàng và nâng cao uy tín cho Công ty. Các sản phẩm tập học sinh được sản xuất từ những nguyên liệu đầu vào chất lượng, an toàn cho sức khoẻ người dùng và thân thiện với môi trường.
- Đối với người lao động: Công ty xây dựng chính sách lương thưởng thích hợp, góp phần đáp ứng đời sống vật chất chính đáng cho toàn bộ cán bộ công nhân viên đang công tác tại Công ty.
- Đối với xã hội: Công ty luôn có những hành động thiết thực để đóng góp vào công cuộc thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Bên cạnh đó, Công ty cũng khuyến khích nhân viên và những bên hữu quan cùng chung tay tham gia các hoạt động có ích cho xã hội.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2020, Tình hình kinh tế Việt Nam và kinh tế Thế giới được dự báo sẽ có nhiều rủi ro. Đầu năm 2020, với tình hình dịch bệnh Covid -19 lan rộng trên khắp thế giới gây ra nhiều hậu quả nặng nề trên khắp các Châu lục. Chính phủ các nước phải ban hành các giải pháp giãn cách xã hội, hạn chế tập trung đông người, làm việc tại nhà, các trường học phải tạm thời đóng cửa.

Những quyết sách nêu trên của các Chính phủ đã đạt được nhiều tích cực trong việc hạn chế lây lan, nhưng cũng mang lại khó khăn cho nền kinh tế tiêu dùng ở khắp nơi trên toàn thế giới.

Bên cạnh đó, những diễn biến thay đổi liên tục về giá dầu, và các chính sách bảo hộ kinh tế của các nước có nền kinh tế lớn cũng làm ảnh hưởng đến chính sách phát triển, thói quen tiêu dùng và tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc sản phẩm.

Như vậy, có thể thấy những biến động về kinh tế sẽ tác động không nhỏ đến lợi nhuận của công ty. Chính vì thế, TIE vẫn không ngừng duy trì công tác nghiên cứu và theo dõi những diễn biến thị trường nhằm phòng ngừa các rủi ro kinh tế phát sinh có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và sự phát triển của Công ty trong thời gian tới.

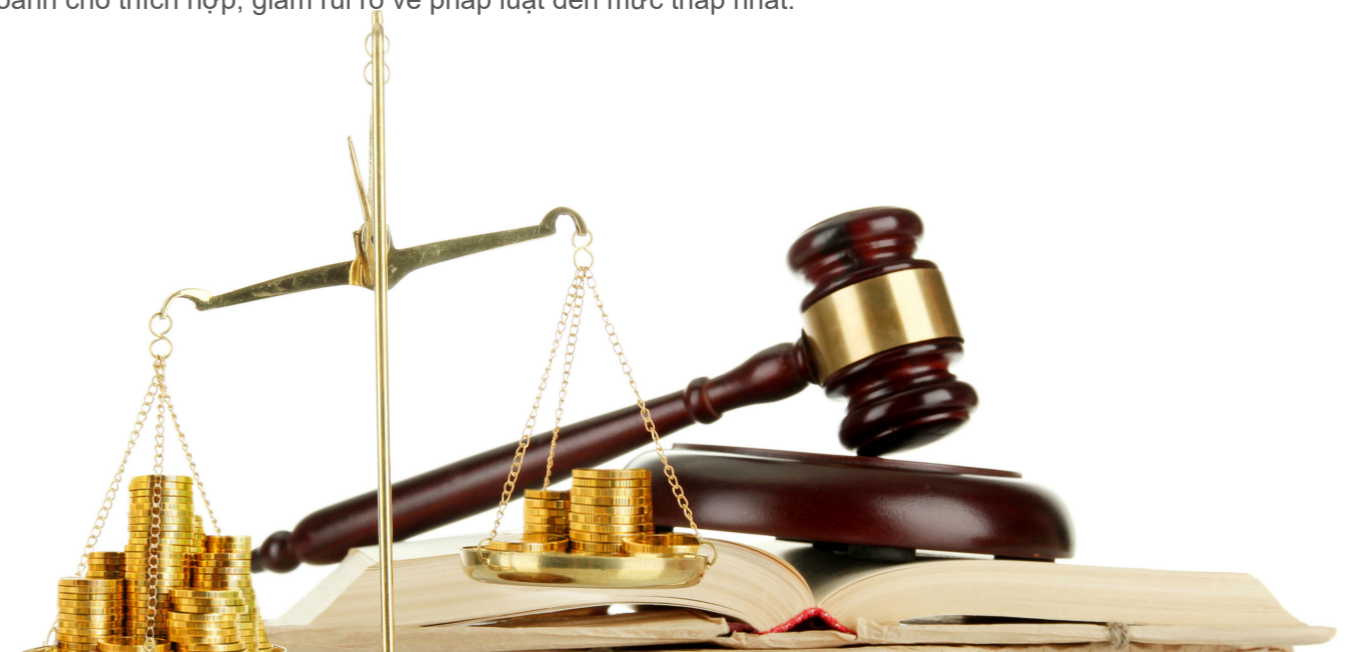


RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ, với sản phẩm chính là văn phòng phẩm. Các hoạt động thương mại – dịch vụ ít ảnh hưởng đến môi trường, nhưng hoạt động sản xuất các sản phẩm văn phòng phẩm không tránh khỏi các tác động đến môi trường. Bên cạnh hy vọng mang lại giá trị kinh tế, Công ty cũng mong muốn đóng góp vào công cuộc bảo vệ môi trường. Chính vì vậy, nên đối với tất cả các hoạt động, Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường. Công ty ưu tiên các lựa chọn thân thiện với tự nhiên. Đồng thời, Công ty cũng chú ý công tác phân loại rác thải và sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, dụng cụ, văn phòng phẩm tại nơi làm việc, để nâng cao nhất hiệu quả bảo vệ môi trường.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Trong quá trình hoạt động, Công ty phải tuân thủ theo hệ thống pháp luật Việt Nam. Là một công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên sàn UpCom, Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Lao động, Luật Thuế, Luật chứng khoán,... Pháp luật Việt Nam hiện đang trong thời kỳ hoàn thiện nên các văn bản pháp luật thường xuyên cập nhật, chỉnh sửa. Công ty luôn chủ động trong công tác rà soát các văn bản pháp luật, cập nhật các quy định sửa đổi, bổ sung để điều chỉnh hoạt động kinh doanh cho thích hợp, giảm rủi ro về pháp luật đến mức thấp nhất.



CÁC RỦI RO

RỦI RO TỶ GIÁ

Công ty đặt mục tiêu trở thành công ty chuyên sản xuất, gia công, xuất khẩu các sản phẩm chất lượng cao, để đáp ứng mục tiêu về mặt chất lượng, đa phần nguyên liệu đầu vào đều được lựa chọn kỹ càng và có các nguyên vật liệu cần nhập khẩu từ nước ngoài, từ các nước như Thụy Sĩ, Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, các quốc gia Trung Đông và một số nước ASEAN,... Thanh toán bằng ngoại tệ trở thành giao dịch không thể thiếu. Vì vậy, tỷ giá hối đoái là yếu tố cần quan tâm của Công ty. Công ty cần tích cực theo dõi diễn biến tỷ giá để có kế hoạch nhập nguyên vật liệu để sản xuất cho phù hợp, tránh trường hợp tỷ giá hối đoái tăng quá cao, gây ảnh hưởng tới chi phí nguyên liệu đầu vào.

RỦI RO CẠNH TRANH

Hiện nay, thị trường văn phòng phẩm rất đa dạng, mang lại nhiều lựa chọn hơn cho người tiêu dùng, các sản phẩm ngày càng chất lượng hơn đến từ các Công ty cùng ngành trong nước, chưa kể đến các sản phẩm đến từ những thương hiệu lớn và uy tín trên thế giới. Điều này tạo ra áp lực không nhỏ đối với các Công ty sản xuất văn phòng phẩm trong nước nói chung, và TIE nói riêng.

Tuy nhiên, TIE xem sự cạnh tranh này vừa là thách thức vừa là động lực để ngày càng hoàn thiện sản phẩm của Công ty về cả chất lượng và mẫu mã, hướng tới mục tiêu trở thành nhà phân phối hàng đầu các sản phẩm văn phòng phẩm ở Việt Nam. Ban lãnh đạo Công ty xây dựng chiến lược và triết lý kinh doanh đầy tâm huyết, mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra, qua đó cũng nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong ngành.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty còn có khả năng gặp những rủi ro bất khả kháng trong quá trình hoạt động như: thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ,... Những rủi ro này tuy xác suất xảy ra rất thấp, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty. Công ty luôn chú trọng công tác theo dõi diễn biến tình hình mưa bão trong khu vực hoạt động, thực hiện đầy đủ công tác phòng cháy chữa cháy, để giảm đến mức thấp nhất thiệt hại khi có rủi ro xảy ra.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc
- Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc
- Tình hình nhân sự và chính sách với người lao động

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức Vụ
Ông Trần Thế Vinh	Chủ tịch HĐQT
Bà Đỗ Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban Chiến lược Phát triển và Phó Tổng Giám đốc



ÔNG TRẦN THẾ VINH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ tại tổ chức khác:

1. Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sài Gòn Hưng Phú
2. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Văn hoá TIE.

- Trình độ chuyên môn: Đại học

1. Tốt nghiệp Đại học – Chuyên ngành Văn Hoá Quần Chúng – Trường Đại học Văn hóa TPHCM – Năm 1990 – Hệ Chính quy
2. Tốt nghiệp Cao cấp – Chuyên ngành Lý luận Chính trị – Học Viện TTN Miền Nam – Năm 2002 – Hệ Không chính quy

- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 0 cổ phần

Quá trình công tác

1975 - 1977	Giáo viên Cấp 1 – Trường PT Cấp I – II Điện Phong, Điện Bàn, Quảng Nam
1977 - 1979	Đi Bộ đội tại Ban quân pháp Tỉnh Đội – Bộ Chỉ huy Quân Sự Tỉnh DakLak
1979 - 1984	Phóng Viên Đài Truyền Thanh – chuyên trách VHQC Công Đoàn, Bí Thư Đoàn Thanh niên – Công Đoàn và Đoàn Thanh Niên Công Ty Cà phê Phước An
1984 - 1986	Phóng Viên – Đài Phát Thanh Truyền hình Tỉnh DakLak
1986 - 1993	Thường Vụ Trưởng ban phong trào – Phó Chủ Tịch hội LHTN VN Tỉnh DakLak và Đi học đại học
1993 - 30/04/2007	<ul style="list-style-type: none"> • Ủy viên UB TƯ Hội LHTN Việt Nam khóa 3,4,5 • Phó Văn phòng TƯ Hội LHTN Việt Nam. • Ủy Viên Thư ký UB TƯ Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam khóa 2,3 • Giám Đốc trung tâm dạy nghề và việc làm Thanh Niên TƯĐ, • Đảng Ủy Viên TƯ Đoàn – Bí Thư Chi bộ VPTƯ Hội • Phó Chủ Tịch Công đoàn TƯ Đoàn – Trung ương Đoàn Thanh Niên Cộng Sản HCM
05/2007 - 06/2009	Phó Giám Đốc Hành Chính – Nhân sự Công ty Cổ phần Đồng Tâm
01/06/2009 - 11/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Phó Phòng Truyền thông – Công ty Cổ phần ô tô Trường Hải • Phó Giám đốc Truyền thông. • Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần ô Tô Trường Hải.
12/2015 - 2017	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần An Khánh.
4/2016 - 2017	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần TIE • Người được uỷ quyền Công bố thông tin Công ty Cổ phần TIE
2017 - nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sài Gòn Hưng Phú

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ ĐỖ THỊ KIM OANH

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Chức vụ tại tổ chức khác:
 1. Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Văn Phòng Phẩm TIE Miền Bắc
 2. Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Văn Hóa TIE
 3. Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Du Lịch Bốn Biển
 4. Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần TMDV Tổng hợp Bến Nghé
 5. Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần SX TM Bến Nghé
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 1.560.000 cổ phần – 16,30% VDL

Quá trình công tác

2005 – 2015	Phụ trách kinh doanh – Văn phòng đại diện AAN BOORD CARGO tại Việt Nam
04/2016 – 05/2016	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE
05/2016 – 08/2017	Phó Chủ Tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật Công ty Cổ phần TIE
08/2017 – nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật Công ty Cổ phần TIE

ÔNG LÊ NGỌC HƯNG

Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban Chiến lược Phát triển và Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ tại tổ chức khác:
 1. Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn (SGS)
 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn TMDV Khởi Minh
 3. Phó Tổng giám đốc - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần TMDV Tổng hợp Bến Nghé
 4. Phó Tổng giám đốc - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SX TM Bến Nghé
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng / Trung cấp Lý luận chính trị
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 0 cổ phần

Quá trình công tác

2003 - 2009	Làm việc tại Quận Đoàn 1, đảm nhiệm các chức danh Chủ tịch Hội liên hiệp Thanh niên, Ủy viên thường vụ Quận Đoàn.
10/2009 - 09/2012	Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn TMDV Khởi Minh
10/2012 - 05/2014	Giám đốc Chiến lược Công ty Cổ phần TIE
05/2014 - 03/2016	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE
03/2016 - 05/2016	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE
12/2015 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần TIE
05/2016 - 03/2017	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Chiến lược Phát triển Công ty Cổ phần TIE
03/2017 - Nay	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Chiến lược Phát triển, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần TIE



BAN KIỂM SOÁT

CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát	Chức Vụ
Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Thanh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thanh Vy	Thành viên Ban Kiểm soát

BÀ NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM

Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 0 cổ phần

Quá trình công tác

2012 - 2015	Quản lý Văn phòng – Công ty TNHH Tư vấn Bắc Mỹ
2015 - 2016	Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự - Công ty Cổ phần Quản lý và Dịch vụ An Khánh
2016 - Nay	Phó Giám đốc Hành chính – Nhân sự Công ty Cổ phần TIE
04/2016 – 06/2016	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần TIE
06/2016 - Nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần TIE

BÀ LÊ THỊ THU HÀ

Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ tại tổ chức khác: không có
- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng chuyên ngành kế toán
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 0 cổ phần

Quá trình công tác

2016 – 08/2017	Nhân viên Hành chính – Quản trị Công ty Cổ phần TIE
08/2017 – nay	Nhân viên Hành chính – Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát

BÀ NGUYỄN THANH VY

Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ tại tổ chức khác: Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần Văn hoá TIE
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành kế toán
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: 0 cổ phần

Quá trình công tác

10/2013 – 03/2016	Nhân viên Kế toán nội bộ tại Công ty TNHH SX TM Lê Hà Việt
06/2016 – nay	Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần Văn hoá TIE
08/2017 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần TIE



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban TGD	Chức Vụ
Bà Đỗ Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Chủ tịch Ủy ban Chiến lược Phát triển, Thành viên HĐQT
Ông Đặng Chu Dũng	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Phạm Thúy Oanh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch của Bà Đỗ Thị Kim Oanh và Ông Lê Ngọc Hưng đã trình bày tại mục Hội đồng quản trị.

ÔNG ĐẶNG CHU DŨNG

Phó Tổng Giám đốc

- **Chức vụ tại tổ chức khác:** Không có
- **Trình độ chuyên môn:**
 1. Thạc sỹ quản trị kinh doanh – Chuyên ngành tài chính công ty
 2. Cử nhân Ngoại ngữ: Anh Văn
 3. Chứng chỉ kế toán trưởng
 4. Chứng chỉ Chuyên viên tài chính cấp cao
 5. Chứng chỉ Kiểm soát viên chuyên nghiệp
 6. Chứng chỉ Quản trị công ty cho các Công ty Cổ phần Đại chúng
- **Số cổ phần sở hữu và đại diện:** 0 cổ phần

Quá trình công tác

1984 – 1988	Giáo viên cấp II
1990 – 1991	Nhân viên kế toán – thủ quỹ Công ty TNHH Đức Thuận
1992 – 2000	Kế toán trưởng Công ty TNHH Hoàng Liên
2001 – 2006	Tổ trưởng bán hàng Xí nghiệp ISAMCO – Tổng Công ty SAMCO
2007 – 05/2008	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Ô tô An Thái
07/2008 - 09/2008	Chuyên viên tài chính Công ty Cổ phần TIE
10/2008 – 12/2008	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE
01/2009 – 04/2016	Giám đốc Nghiên cứu & Phát triển, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần TIE
04/2016 - Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần TIE

BÀ PHẠM THÚY OANH

Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng

- **Chức vụ tại tổ chức khác:**
 1. Thành viên HĐQT Công ty TNHH Văn Phòng Phẩm TIE Miền Bắc
 2. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Văn Hóa TIE
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh
- **Số cổ phần sở hữu và đại diện:** 0 cổ phần

Quá trình công tác

1997 – 06/2007	Chuyên viên Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp TP.Hồ Chí Minh, Chi cục tài chính doanh nghiệp TP.HCM.
07/2007 – 04/2012	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần TIE
04/2012 – 04/2016	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần TIE
04/2016 – 08/2017	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần TIE
08/2017 – Nay	Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần TIE

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Không có



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

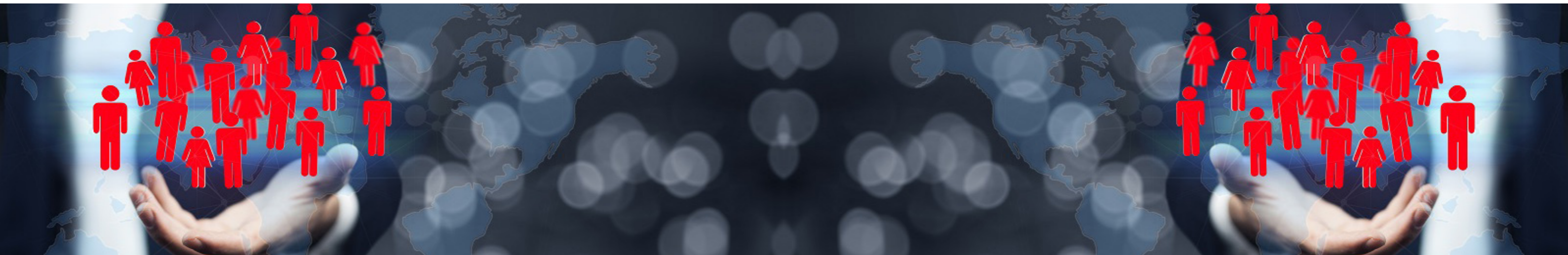
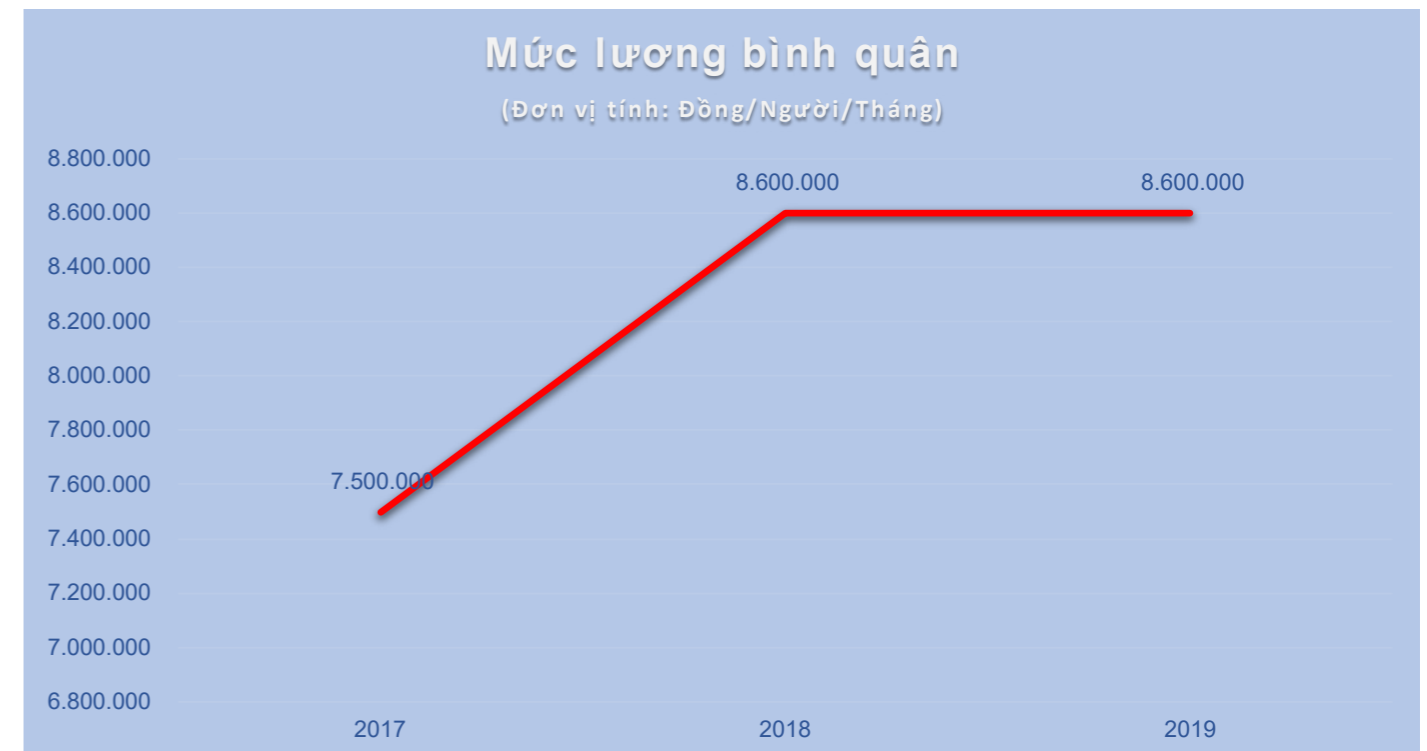
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Nhân sự đầu năm 2019 tại Công ty là 70 người, và đến cuối năm là 83 người. Trong năm 2019, Công ty đã giải quyết cho 18 nhân sự nghỉ việc vì lý do cá nhân. Đồng thời, do quy mô và nhu cầu công việc, Công ty đã tuyển dụng mới 31 người. Trong đó:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	83	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	25	30,12%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	11	13,25%
3	Khác	47	56,63%
B	Địa bàn công tác	83	100,00%
1	Thành phố Hồ Chí Minh	83	100,00%
C	Trình độ lao động	83	100,00%
1	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	36	43,37%
2	Trình độ bậc thợ	47	56,63%

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM

STT	Năm	Mức lương bình quân (đồng/ người /tháng)
1	2017	7.500.000
2	2018	8.600.000
3	2019	8.600.000



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG

Việc trả lương cho người lao động được Công ty xác định theo đúng hiệu quả hoạt động kinh doanh, trình độ tay nghề, chất lượng làm việc và tinh thần trách nhiệm của người lao động, đảm bảo tính công bằng, hợp lý và theo nguyên tắc chi trả đúng với Luật lao động, đáp ứng được nhu cầu thu hút ứng viên chất lượng cao trên thị trường lao động.

Công ty luôn có các chính sách khen thưởng được trích ra từ nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi, kết hợp chặt chẽ giữa động viên tinh thần và lợi ích vật chất cho người lao động. Việc khen thưởng tại Công ty luôn được thực hiện một cách công khai, công bằng; đảm bảo thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng.

Với tư duy không ngừng đổi mới, TIE đã và đang thực hiện các chiến lược dài hạn nhằm hướng đến mục tiêu trở thành một trong những nhà sản xuất, phân phối và bán lẻ văn phòng phẩm hàng đầu Việt Nam.

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

Ban Tổng Giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động, ổn định về nhân sự và tạo sự yên tâm công tác cho người lao động, cụ thể các nội dung sau:

- Tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều được ký hợp đồng lao động theo đúng quy định;
- Việc thực hiện chế độ BHXH: Công ty luôn thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động về BHXH, người lao động khi ký hợp đồng chính thức sẽ được tham gia BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp và được giải quyết các chế độ liên quan theo đúng quy định;
- Về chăm lo các chế độ khác: Công ty thực hiện tốt việc chăm lo các chế độ khác cho người lao động theo nội dung thỏa ước lao động tập thể. Công ty đã thực hiện phương án điều chỉnh lương trong năm và đã chăm lo cải thiện bữa ăn trưa cho CB – CNV Công ty;
- Tất cả CB – CNV có thời gian công tác theo đúng quy định sẽ được nhận lương tháng 13 theo kết quả kinh doanh và chế độ chăm lo Tết Nguyên đán, khen thưởng thi đua theo thành tích hoàn thành nhiệm vụ,...
- Công tác thi đua khen thưởng luôn được Ban Tổng Giám đốc và lãnh đạo các phòng ban quan tâm. Công ty thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nhắc nhở trong toàn thể CB – CNV trong việc phấn đấu, thi đua hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Hàng năm Công ty cử CB – CNV Công tham gia đào tạo bồi dưỡng các khoá ngắn hạn, bao gồm các chương trình đào tạo bồi dưỡng về quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm, ngoại ngữ, tin học, v.v. Trong đó, Công ty chú trọng:

- Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên viên chuyên môn và cán bộ quản lý phát triển nguồn nhân lực;
- Khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho CB – CNV học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
- Đẩy mạnh kiểm tra hiệu quả sau đào tạo của các phòng ban. Trên cơ sở đó, Công ty đánh giá chất lượng của các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của phòng ban nhằm cải tiến, điều chỉnh chương trình để không ngừng nâng cao;
- Xây dựng và phát huy tối đa hệ thống kiểm tra theo dõi, giám sát đánh giá chất lượng sau đào tạo và hiệu quả sử dụng chi phí;
- Bổ sung hoàn chỉnh quy trình đánh giá hiệu quả của người lao động sau khi được đào tạo trên theo các tiêu chí: phản hồi từ các đơn vị đào tạo, tình trạng làm việc sau khi đào tạo, đánh giá của đồng nghiệp, đánh giá của các nhà quản lý.v.v...





TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG CHO CBCNV NĂM 2019

Trong năm 2019, để đáp ứng nhiệm vụ đa dạng hoá sản phẩm sản xuất – kinh doanh, TIE tiếp tục thực hiện các chính sách tuyển dụng và đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục cải tiến và thực hiện triệt để các chính sách lương thưởng, phúc lợi, đào tạo hiện tại:

- Điều chỉnh hệ thống thang bậc lương theo chức danh phản ánh đúng công việc của người lao động, xác định được tiêu chí trả lương theo năng suất (lương khoán, lương kinh doanh...) dựa trên cơ sở hệ thống đánh giá thành tích khách quan, bám sát mức lương trên thị trường, bám sát nguyện vọng của nhân viên.
- Điều chỉnh kết cấu tiền lương gắn với năng suất lao động, kết hợp hình thức trả lương theo chức danh công việc, trả lương theo năng suất và có tính đến các yếu tố thâm niên, bằng cấp...
- Xây dựng Quỹ lương theo hướng khoán doanh thu, lợi nhuận gắn với lương trả cho người lao động, thí điểm khoán quỹ lương cho Khối kinh doanh; xây dựng Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi thu hút nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát đánh giá phân loại, thống kê toàn bộ nhân lực ở các phòng ban, để quy hoạch, đào tạo, phân công lao động hợp lý, bố trí đúng người, đúng việc, đúng năng lực sở trường; Bố trí Cán bộ khảo sát các nhóm sản phẩm có mức tăng trưởng tốt, ổn định và mức giá để đàm phán với các nhà sản xuất, đối tác tương ứng để sản xuất và phân phối sản phẩm phù hợp.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ TRONG TƯƠNG LAI

- Xây dựng đội ngũ bán hàng chất lượng, chuyên nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu tìm kiếm cơ hội đầu tư, tập trung mở rộng thị trường tại Việt Nam, Campuchia;
- Cải tiến quy trình làm việc, tạo sự liên kết, phối hợp giữa các phòng ban;
- Phân công, phân nhiệm rõ ràng từng cấp quản lý và điều hành, tránh tình trạng giẫm chân lên nhau;
- Đồng thời, mỗi khu vực, mỗi tỉnh thành có đội ngũ bán hàng phụ trách theo từng khu vực địa lý để dễ quản lý và phát triển doanh số;
- Nghiên cứu bổ sung hoàn chỉnh quy trình, quy chế tuyển chọn cán bộ nhằm thu hút được những người tài giỏi về làm việc, giảm các chi phí đào tạo, cũng như nâng cao hiệu quả công việc;
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp TIE, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và tạo điều kiện cho lao động sáng tạo; xây dựng niềm tin, lòng yêu nghề, say mê công việc.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2019

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ %	
				TH/KH2019	TH 2019/2018
Tổng doanh thu	118.967.533.390	220.000.000.000	98.877.818.756	44,94%	83,11%
Vốn điều lệ	95.699.000.000	95.699.000.000	95.699.000.000	100,00%	100,00%
Lợi nhuận trước thuế	(25.109.112.381)	5.000.000.000	(20.380.871.558)	-407,62%	81,17%
LNTT/Tổng doanh thu (%)	-21,11%	3,33%	-20,61%	-	-
LNTT/VĐL (%)	-26,24%	5,22%	-21,30%	-	-
Tỷ lệ cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Trong năm 2019, Tổng doanh thu của Công ty đạt 98,8 tỷ đồng giảm 16,89% so với năm 2018 và đạt 44,94% kế hoạch đề ra cho năm 2019. Nguyên nhân là do thị trường ngành hàng văn phòng phẩm - ngành chủ lực của Công ty hiện tại, có nhiều cạnh tranh. Thêm vào đó, Công ty là thành viên mới trong ngành nên càng gặp khó khăn.

Tuy nhiên năm nay, Công ty đã ổn định được giá cả nguyên liệu đầu vào hơn so với năm 2018, làm cho biên lợi nhuận được cải thiện. Mặc dù lợi nhuận trước thuế vẫn ghi nhận khoản lỗ, nhưng khoản lỗ đã giảm so với năm 2018.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên công ty	Vốn góp đến 31/12/2019	% Vốn điều lệ
1	Công ty TNHH Văn Phòng Phẩm TIE Miền Bắc	27.000.000.000	90,00%
2	Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	2.590.000.000	51,00%
Tổng cộng		29.590.000.000	

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên công ty	Vốn góp đến 31/12/2019	% Vốn điều lệ
1	Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE	8.400.000.000	20,00%
2	Công ty Cổ phần Văn hóa TIE	29.240.000.000	43,00%
Tổng cộng		37.640.000.000	



CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

STT	Tên Công Ty	Mã CK	Số lượng cổ phiếu đến 31/12/2019
1	Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	ALT	60
2	Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Việt	DVSC	20.000
3	Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	STB	1
4	Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist	STT	37.612

ĐẦU TƯ VÀO CÁC ĐƠN VỊ KHÁC

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên công ty	Vốn góp đến 31/12/2019	% Vốn điều lệ
1	Công ty Cổ phần DV Bưu chính Viễn Thông Sài Gòn	8.674.710.000	0,72%
2	Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	37.320.000.000	16,00%
Tổng cộng		45.994.710.000	



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH CHUNG

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	% Tăng giảm
Tổng tài sản	289.447.560.786	260.553.309.843	-9,98%
Doanh thu thuần	101.445.921.145	91.033.991.913	-10,26%
Lợi nhuận khác	7.410.096.603	(1.859.788.866)	-125,10%
Lợi nhuận trước thuế	(25.109.112.381)	(20.380.871.558)	18,83%
Lợi nhuận sau thuế	(25.109.112.381)	(20.380.871.558)	18,83%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,88	2,05
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,49	1,64
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	25,37%	27,02%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	34,00%	37,03%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,20	2,61
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,36	0,33
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-24,75%	-22,39%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-11,62%	-10,04%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-8,67%	-7,41%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-32,05%	-20,35%

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2019, TIE thực hiện tái cấu trúc danh mục đầu tư, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại tổng hợp Bến Nghé cho Công ty Cổ phần Văn hoá TIE. Với hoạt động này, Công ty ghi nhận một khoản phải thu ngắn hạn khác từ Công ty Cổ phần Văn hoá TIE, làm tăng tài sản ngắn hạn, kéo theo các chỉ tiêu về khả năng thanh toán tăng mạnh so với năm 2018. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,88 lên 2,05 và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,49 lên 1,64. Các hệ số thanh toán tăng so với năm 2018 và đều đã lớn hơn 1, thể hiện chính sách cơ cấu lại nguồn vốn có hiệu quả và khả năng thanh toán của Công ty cho các khoản nợ ngắn hạn được đảm bảo.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Chỉ tiêu hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 25,37% lên 27,02%, vì Tổng tài sản giảm so với năm 2018, chủ yếu do khoản lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển trong năm 2018 hiện nay không còn. Năm 2019 vừa qua, TIE đã chuyển nhượng 35% cổ phần tại công ty con là Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển, với tỷ lệ nắm giữ 16% quyền biểu quyết hiện tại, Công ty không có quyền kiểm soát và không ghi nhận khoản hợp nhất lợi thế thương mại từ công ty này nữa.

Chỉ tiêu hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 33,99% lên 37,03% do vốn chủ sở hữu giảm, do trong năm 2019, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế giảm từ việc Công ty ghi nhận lợi nhuận âm trong kỳ.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2019, doanh thu thuần và giá vốn hàng bán đều giảm so với năm 2018, kéo theo các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty giảm. Cụ thể vòng quay hàng tồn kho giảm từ 4,20 còn 2,61 và hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản giảm nhẹ từ 0,36 còn 0,33.

CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2019, TIE tiếp tục ghi nhận lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế âm, nên các hệ số về khả năng sinh lời âm. Tuy nhiên, các hệ số này đều tăng so với năm 2018 do Công ty cải thiện được biên lợi nhuận.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu công ty đăng ký phát hành: 9.569.900 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ

Số cổ phiếu ưu đãi: không

Số cổ phiếu phổ thông: 9.569.900 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ: không

Cổ phiếu đang lưu hành: 9.569.900 cổ phiếu

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 9.569.900 cổ phiếu

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÍNH ĐẾN NGÀY 23/05/2019

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	0	-	-
II	Cổ đông trong nước	316	8.921.420,00	93,22%
	Tổ chức	6	4.674.950,00	48,85%
	Cá nhân	310	4.246.470,00	44,37%
III	Cổ đông nước ngoài	15	648.480,00	6,78%
	Tổ chức	7	629.460,00	6,58%
	Cá nhân	8	19.020,00	0,20%
	Tổng cộng	331	9.569.900,00	100,00%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÍNH ĐẾN NGÀY 23/05/2019

STT	Cổ đông lớn	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đỗ Thị Kim Oanh	1.560.000	16,301%
2	Công ty cổ phần Quản lý và Dịch vụ An Khánh	1.914.000	20,000%
3	Công ty cổ phần Sài Gòn Hưng Phú	2.298.680	24,020%
	Tổng cộng	5.772.680	60,321%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019

TÌNH HÌNH CHUNG

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	TH/KH 2019	TH 2019/2018
Tổng doanh thu	118.967.533.390	220.000.000.000	98.877.818.756	44,94%	83,11%
Lợi nhuận trước thuế	(25.109.112.381)	5.000.000.000	(20.380.871.558)	-407,62%	81,17%

CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2019/2018 (%)
Doanh thu Công ty mẹ tại Văn phòng TP. Hồ Chí Minh	105.573.891.726	82.797.948.275	78,43%
<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu bán hàng hóa Doanh thu bán thành phẩm Doanh thu cung cấp dịch vụ Doanh thu sản phẩm khác 	105.173.197.730 7.923.996 392.770.000 -	82.797.948.275 - - -	78,73% - - -
Doanh thu của Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc	220.977.105	119.210.397	53,95%
Doanh thu của Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	4.318.238.727	8.509.549.551	197,06%
Tổng cộng	110.113.107.558	91.426.708.223	83,03%

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Công ty Cổ phần Văn hoá TIE được thành lập từ tháng 07/2016 nhằm nâng cao thị phần của TIE trong ngành hàng văn phòng phẩm, với các sản phẩm tập mang thương hiệu TIE Stationery, Aladin. Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Văn hoá TIE chào đón thành viên mới là thương hiệu Bến Nghé, sau khi nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của TIE tại Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Bến Nghé.

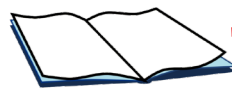
Sau gần 04 năm ra mắt tại thị trường, Tie Stationery, Aladin đã nhận được sự tín nhiệm của người tiêu dùng, các sản phẩm luôn đảm bảo về chất lượng (nguồn nguyên liệu đạt chứng chỉ FSC về an toàn và thân thiện môi trường), và đa dạng mẫu mã (hơn 100 mẫu bìa tập khác nhau). Thêm vào đó, để nâng cao uy tín cũng như danh tiếng của thương hiệu, các sản phẩm TIE Stationery đã tham gia các hoạt động có ích cho xã hội, "đồng hành cùng những ước mơ" để đem tập vở cho các em học sinh có những hoàn cảnh đặc biệt, tạo thêm động lực cho các em tiếp bước đến trường.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019, Công ty tiếp tục tập trung phát triển ngành hàng văn phòng phẩm, với các sản phẩm từ giấy, giấy cuộn, giấy nguyên liệu, với đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, được đào tạo bài bản, với các chính sách bán hàng linh hoạt, tùy khu vực, tùy thị trường, tùy dòng sản phẩm. Kết quả đạt được cho năm 2019 đạt doanh thu là 98 tỷ đồng đạt 44,94% so với kế hoạch đặt ra chiếm 83,11 % so với năm 2018.

NGUYÊN NHÂN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHƯA ĐẠT KẾ HOẠCH

Với sự phát triển của xã hội ngày nay, giáo dục ngày càng được quan tâm, các sản phẩm hỗ trợ cho giáo dục cũng ngày càng đa dạng. Sự ra đời và phát triển của ngày càng nhiều thương hiệu lớn nhỏ trong thị trường khiến cho sự cạnh tranh ngày càng lớn, đặc biệt là các thương hiệu đến từ Trung Quốc, Thái Lan, và các thương hiệu giá rẻ khác. TIE gia nhập thị trường ngành hàng văn phòng phẩm được gần 04 năm, tuy nhiên vẫn được xem là thành viên mới trong ngành, cần nhiều thời gian hơn để củng cố thương hiệu. Thêm vào đó, thói quen người dùng thay đổi mạnh từ năm 2017 đến nay, khi các thiết bị công nghệ cao lên ngôi, với độ tiện dụng và nhanh chóng, thường được lựa chọn như một phương pháp ghi chép thay cho giấy, bút.



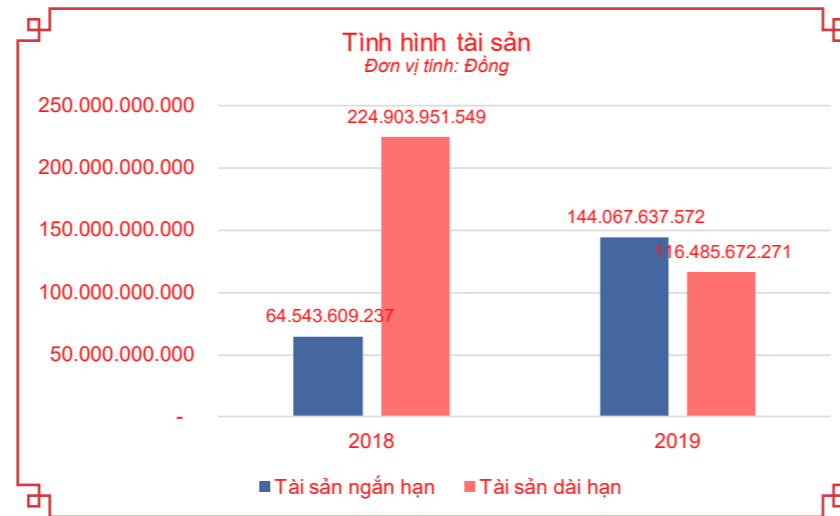
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	% Tăng, giảm
Tài sản ngắn hạn	64.543.609.237	144.067.637.572	123,21%
Tài sản dài hạn	224.903.951.549	116.485.672.271	-48,21%
Tổng tài sản	289.447.560.786	260.553.309.843	-9,98%

Tổng tài sản của Công ty trong năm 2019 đạt 261 tỷ đồng, giảm 9,98% so với năm 2018. Tổng tài sản giảm chủ yếu là vì tài sản dài hạn giảm 48,21%, tương đương mức giảm 108 tỷ đồng. Nguyên nhân là do Công ty đã thoái vốn tại Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển, với tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện tại là 16%, Công ty không còn quyền kiểm soát tại đây và không còn ghi nhận khoản lợi thế thương mại trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.

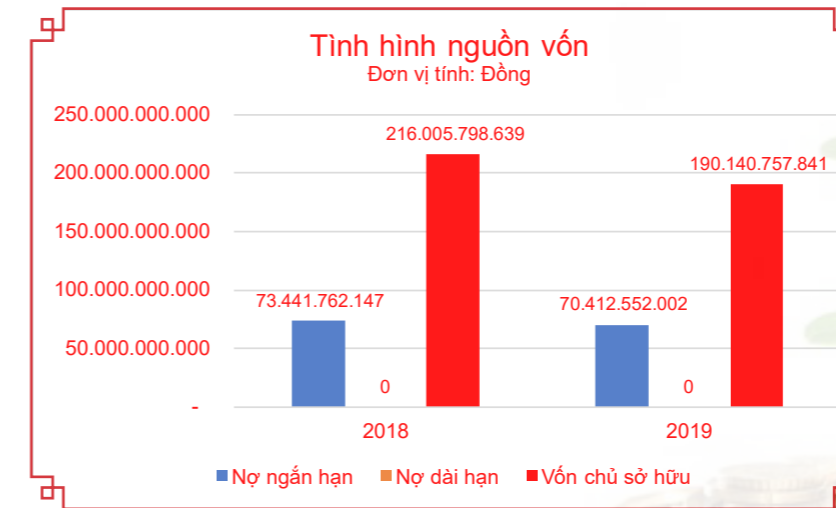


Xét trong cơ cấu tổng tài sản, tỷ trọng dịch chuyển sang tài sản ngắn hạn, ngoài nguyên nhân vì tài sản dài hạn giảm như đã nói ở trên, còn vì tài sản ngắn hạn tăng 123,21%, đạt mức 144 tỷ đồng, do Công ty ghi nhận một khoản phải thu ngắn hạn khác. Khoản phải thu này là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Văn hoá TIE, phát sinh từ việc Công ty chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Bến Nghé cho Công ty Cổ phần Văn hoá TIE. Đây là một trong những hoạt động nhằm tái cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	% Tăng, giảm
Nợ ngắn hạn	73.441.762.147	70.412.552.002	-4,12%
Nợ dài hạn	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	216.005.798.639	190.140.757.841	-11,97%
Tổng nguồn vốn	289.447.560.786	260.553.309.843	-9,98%



Trong cơ cấu tổng nguồn vốn, nợ phải trả vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ 27,02%, trong đó toàn bộ là nợ ngắn hạn, Công ty không có khoản nợ dài hạn nào. Nợ ngắn hạn giảm nhẹ so với năm 2018 4,12%, chủ yếu là giảm khoản nhận trả trước của Công ty Cổ phần Văn hoá TIE. Vốn chủ sở hữu giảm do lợi nhuận giữ lại lũy kế giảm vì năm 2019 Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế âm.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục tái cấu trúc bộ máy nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tiết giảm chi phí. Chính vì thế, trước mắt Công ty cần phải cải tiến cơ cấu tổ chức sao cho cơ cấu này có thể thích ứng được với những thay đổi của môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp và biến động. Từ đó, Công ty có thể đạt được mục tiêu, chiến lược đã đề ra. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức nhằm mang tính hoàn thiện, giúp cho Công ty đạt được kết quả cao hơn.

PHƯƠNG HƯỚNG

Công ty củng cố cơ cấu tổ chức theo hướng hoàn thiện, không gây những ảnh hưởng lớn đến hoạt động hiện tại của Công ty:

- ✓ Chuyên môn hóa cao: hướng đến một đội ngũ cán bộ - nhân viên có trình độ chuyên môn, có năng lực thật sự.
- ✓ Gọn nhẹ: xây dựng một bộ máy tinh giản, gọn nhẹ với quy mô hợp lý để đảm bảo được khối lượng công việc hiện tại của Công ty;
- ✓ Hiệu quả: cơ cấu hoàn thiện sẽ đảm bảo thực hiện mục tiêu và chiến lược mà Công ty đã hoạch định

VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

- ✓ Mở rộng sự phân cấp, phân quyền trong tổ chức: việc phân cấp, phân quyền hợp lý sẽ làm cho bộ máy hoạt động hiệu quả hơn. Sự phân cấp, phân quyền này có những quy định, quy chế rõ ràng đến từng cấp quản lý (Phòng, Ban) tránh yếu tố chủ quan nhằm phát huy tính sáng tạo trong công việc và tạo động lực phát triển.
- ✓ Phối hợp hoạt động giữa các bộ phận chức năng: có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận chức năng, không đùn đẩy công việc lẫn nhau.
- ✓ Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 bằng những quy trình, thủ tục nhằm nâng cao hiệu quả công việc cũng như xác định được trách nhiệm của từng cá nhân, phòng ban cụ thể.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2020

Ngày 11/03/2020, Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO) chính thức tuyên bố đại dịch toàn cầu đối với Dịch viêm đường hô hấp cấp COVID – 19 do chủng mới Virus Corona gây ra. Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, đến hiện tại, một số tỉnh, thành phố vẫn còn quyết định tạm dừng hoạt động dạy học tại các trường (chuyển sang học bằng phương thức trực tuyến), kéo theo toàn bộ chương trình học của các cấp bị xáo trộn. Những điều này khiến cho ngành giáo dục gặp không ít khó khăn trong quá trình xây dựng lại chương trình.

Mặc dù nhu cầu sử dụng tập vở để hỗ trợ cho học tập không bị ảnh hưởng nhiều, tuy nhiên nếu nền kinh tế bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh kéo dài, thu nhập người dân không ổn định, thì các sản phẩm chủ lực của Công ty là sản phẩm tập học sinh cao cấp sẽ gặp phải sự cạnh tranh của các sản phẩm tập vở khác có mức giá thấp hơn.

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TRONG NĂM 2020

- ✓ Tổng Doanh thu: 148 tỷ đồng;
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: 5 tỷ đồng.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần TIE, đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C) đã có ý kiến kiểm toán trái ngược.

CỞ SỞ CỦA Ý KIẾN KIỂM TOÁN TRÁI NGƯỢC:

Công ty chưa hợp nhất Báo cáo tài chính của hai công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Thương mại Bến Nghé được mua vào tháng 12 năm 2018 vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018. Trong năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào 2 công ty con này cho Công ty Cổ phần Văn hoá TIE (là công ty liên kết của tập đoàn). Nếu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Thương mại Bến Nghé được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, nhiều chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 sẽ bị ảnh hưởng trọng yếu. Đồng thời, khi chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các công ty con này trong năm 2019, các khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 cũng sẽ bị ảnh hưởng theo các ảnh hưởng của năm 2018. Các ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính hợp nhất do việc không hợp nhất Báo cáo tài chính của 2 công ty con này là chưa thể xác định.

Liên quan đến ý kiến trái ngược này, TIE giải trình như sau:

- Năm 2018, trong quá trình tiếp nhận, TIE phát hiện một số chứng từ và hồ sơ của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Thương mại Bến Nghé (gọi chung là Bến Nghé) bàn giao chưa đầy đủ và phía Bến Nghé thông tin rằng các hồ sơ, chứng từ này đã bị thất lạc do việc bàn giao giữa các nhân viên khi nghỉ việc trước thời điểm TIE nhận chuyển nhượng cổ phần, nên TIE chưa hợp nhất Báo cáo tài chính của 02 Công ty con này.
- Năm 2019, do chủ trương tái cấu trúc danh mục đầu tư, TIE đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư tại Bến Nghé.
- Vì TIE chưa hợp nhất Báo cáo tài chính của 02 Công ty con này vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018, nên khi chuyển nhượng khoản đầu tư tại 02 Công ty con này trong năm 2019, TIE không ghi nhận các khoản giảm tài sản, hàng hoá, công nợ, vốn chủ sở hữu,... tương ứng trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.

Ngoài ra, đơn vị kiểm toán độc lập có ý kiến ngoại trừ đối với khoản dự phòng hàng tồn kho và khoản đầu tư vào Công ty liên kết vì chưa thu thập đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan, cụ thể như sau:

- Khoản dự phòng 3.079.048.553 đồng cho một số hàng tồn kho chậm luân chuyển có giá trị theo sổ sách là 4.016.296.742 đồng.

Về ý kiến kiểm toán này, TIE giải trình như sau: Căn cứ vào thời hạn tồn kho của một số hàng hoá, TIE đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng chuẩn mực kế toán.

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Văn hoá TIE đang được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu với số tiền 15.380.701.082 đồng.

Về ý kiến kiểm toán này, TIE giải trình như sau: TIE căn cứ vào kết quả kinh doanh doanh do Công ty Cổ phần Văn hoá TIE cung cấp để trích lập dự phòng khoản đầu tư theo đúng Chuẩn mực kế toán.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2019, kết quả kinh doanh của Công ty chưa đạt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Mặc dù thị trường văn phòng phẩm, tập vở, bút viết, dụng cụ học sinh khá tiềm năng nhưng cũng nhiều cạnh tranh và Công ty là thành viên mới trong ngành nên cần nhiều thời gian hơn để định vị và tạo dựng lòng tin từ người tiêu dùng. Thêm vào đó, người tiêu dùng bắt đầu ưa chuộng sử dụng các thiết bị công nghệ như điện thoại thông minh, máy tính xách tay,... cùng với đó là sự phát triển của các ứng dụng, phần mềm soạn thảo, ghi chép, sắp xếp thời gian tiện dụng, nhanh chóng, tùy biến cao nên nhiều người dùng có xu hướng lựa chọn các sản phẩm trên thay cho tập viết truyền thống. Điều này làm cho thị trường tiêu thụ của Công ty có phần khó khăn hơn.



Để khắc phục những khó khăn trên, Công ty đã không ngừng nghiên cứu, bám sát tình hình thị trường, ban hành các chính sách kinh doanh linh hoạt, kịp thời. Bên cạnh đó, Công ty củng cố, phát triển hệ thống phân phối và kênh bán lẻ trên cả nước, tái cấu trúc đội ngũ nguồn nhân lực các phòng, ban chức năng để tăng tính hiệu quả và chuyên nghiệp... Để mở rộng và phát triển thị phần, Công ty tích cực tham gia xúc tiến thương mại nhằm khai thác tìm kiếm thêm đối tác và sản phẩm mới. Công ty cũng giữ mối liên hệ chặt chẽ với đối tác, nhà cung cấp nhằm góp phần củng cố và tạo sự chuyển biến tích cực hơn cho tình hình hoạt động của Công ty trong giai đoạn khó khăn như hiện nay.

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty được Ban Điều hành giám sát và chỉ đạo thực hiện đúng với nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra. Trong năm 2019 vừa qua, Công ty cũng tích cực thực hiện chủ trương tái cơ cấu danh mục đầu tư. Tuy nhiên, với những khó khăn vẫn còn đó, quá trình tái cơ cấu hoạt động của TIE chắc chắn sẽ còn gặp nhiều trở ngại. Vì vậy trong thời gian sắp tới, Hội đồng quản trị cùng với Ban Điều hành Công ty sẽ tiếp tục có những biện pháp cụ thể, chỉ đạo thực hiện nhằm đưa TIE đổi mới và vượt qua những thách thức vẫn còn tồn đọng trong suốt thời gian qua.

THUẬN LỢI

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn có những giải pháp cụ thể, phù hợp với từng giai đoạn cho đề án tái cơ cấu đã đề ra. Điều này đã góp phần giúp Công ty tận dụng và phát huy được thế mạnh đã có trong những năm gần đây, từng bước đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đi vào phát triển ổn định;
- Tập thể cán bộ công nhân viên Công ty luôn đồng hành cùng Công ty, cố gắng và nỗ lực thực hiện theo các chủ trương, chiến lược và quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.



KHÓ KHĂN

- Khó khăn chủ yếu đến từ thị trường cũng như các sản phẩm thay thế, Công ty cần có thêm thời gian để đạt đúng với mức kỳ vọng đối với doanh thu từ ngành hàng văn phòng phẩm, tập và dụng cụ học sinh thông qua việc tạo dựng được giá trị thương hiệu và lòng tin đối với người tiêu dùng;
- Tình hình nhân sự mảng kinh doanh tiếp tục có sự biến động đã thực sự gây ra những khó khăn trong công tác bán hàng đặc biệt là với doanh nghiệp chuyên về phân phối như TIE.





ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Việc giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện đúng với Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đối với những nội dung sau:

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Giám sát, tư vấn, đưa ra các giải pháp, chiến lược cho hoạt động kinh doanh trong năm; hạn chế, khắc phục những khó khăn gặp phải giúp tình hình hoạt động của TIE chuyển biến tích cực hơn.

Hội đồng quản trị nhận thấy, Ban Tổng giám đốc luôn bám sát kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị. Sau khi tiếp nhận các định hướng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nhanh chóng lên kế hoạch cụ thể, triển khai cho các phòng ban để thực hiện. Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc đưa ra nhiều nhận định hữu ích về triển vọng phát triển Công ty, giúp cho Hội đồng quản trị có cái nhìn đúng đắn về tình hình hoạt động hiện tại. Những nhận định của Ban Tổng giám đốc phản ánh tình hình thị trường thực tiễn, những khó khăn và hạn chế trong quá trình thực hiện kế hoạch để Hội đồng quản trị kịp thời đưa ra những định hướng phù hợp. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng tích cực quan tâm đến vấn đề về nguồn nhân lực, nhằm đề xuất những chính sách thích hợp cho người lao động, góp phần vào sự phát triển ổn định của Công ty.

Trong năm 2019, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn còn tồn đọng nhiều khó khăn và không đạt kế hoạch đã đề ra, tuy nhiên Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực và tận tâm của ban Tổng giám đốc, cùng những giá trị mà Ban Tổng giám đốc tạo ra trong thời gian qua. Mặc dù chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận, nhưng việc chuyển dịch cơ cấu sản phẩm kinh doanh cũng đã bước đầu đem lại hiệu quả. Hội đồng quản trị mong rằng từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc sẽ tiếp tục duy trì được sự nhiệt huyết, cống hiến vì mục tiêu phát triển chung mà Công ty luôn hướng đến.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG

MẢNG ĐẦU TƯ

Trong những năm tới, Công ty tiếp tục tìm kiếm những đối tác có năng lực để hợp tác hay nghiên cứu để đầu tư các dự án nhằm đem lại nhuận cho Công ty.

MẢNG SẢN XUẤT

- Hoàn thiện quy trình sản xuất;
- Hoàn thiện hệ thống máy móc thiết bị; mạnh dạn đầu tư máy mới, hiện đại, có công suất cao (khi cần thiết);
- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001;
- Xây dựng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 để tiến đến việc được cấp nhãn xanh Việt Nam
- Tiến đến việc sản xuất tập vở theo tiêu chuẩn Singapore hay Nhật Bản nhằm chuẩn bị cho việc xuất khẩu sản phẩm TIE Stationery, Bến Nghé ra nước ngoài.

MẢNG KINH DOANH

- Xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh trong ngắn hạn cũng như dài hạn;
- Hoàn thiện hoạt động Marketing nhằm hỗ trợ và thúc đẩy kinh doanh phát triển (PUSH & PULL);
- Thành lập bộ phận nghiên cứu thị trường để có những định hướng phát triển sản xuất & kinh doanh đúng đắn, phù hợp với môi trường kinh doanh hiện tại cũng như cho tương lai.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Mục tiêu phát triển bền vững
- Báo cáo phát triển bền vững



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hoạt động của TIE luôn được lồng ghép các yếu tố phát triển bền vững. Mô hình phát triển bền vững của Công ty bao gồm: phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Trong đó, mục tiêu phát triển kinh tế đi đầu và tạo điều kiện cho Công ty thực hiện tiếp các mục tiêu còn lại.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Mục tiêu kinh tế TIE luôn hướng đến là phát triển kinh tế bền vững. Bên cạnh việc tăng trưởng doanh thu, TIE chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm và ứng dụng công nghệ - kỹ thuật sản xuất hiện đại để tiết kiệm chi phí, tối ưu hoá lợi nhuận. Mục tiêu cố gắng tăng trưởng lợi nhuận song hành cùng mục tiêu tăng lợi ích cổ đông, tăng thu nhập người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

MỤC TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Để góp phần vào công cuộc bảo vệ môi trường chung, Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong hoạt động sản xuất, cụ thể: sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, năng lượng, thêm vào đó, tăng cường sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào là những sản phẩm thân thiện với môi trường.

MỤC TIÊU CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động thiết thực nhằm thúc đẩy sự phát triển chung của toàn xã hội, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn.



GIÁ TRỊ VỀ KINH TẾ NĂM 2019

Năm 2019, với những khó khăn và cạnh tranh từ thị trường, Công ty đã nỗ lực nâng cao chỗ đứng trong ngành. Tuy chưa đạt như mức kỳ vọng nhưng cũng mang về tổng doanh thu đạt 98,8 tỷ đồng.

VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Bảo vệ môi trường là nền tảng bảo vệ sức khoẻ con người, góp phần lớn vào mục tiêu phát triển bền vững hiện nay. Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ nên những hoạt động của Công ty tác động đến môi trường không đáng kể. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là xăng, dầu cho các phương tiện vận chuyển, điện chiếu sáng, các linh kiện thay thế cho việc bảo hành, bảo dưỡng sản phẩm,... Với sự ý thức tốt đối với môi trường và nhằm thực hiện chủ trương tiết kiệm các nguồn năng lượng, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp và đạt được những hiệu quả nhất định.

Công ty luôn có những hoạt động cụ thể nhằm bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như:

- Tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm văn phòng phẩm, điện, nước;
- Vệ sinh văn phòng, showroom, kho hàng định kỳ giúp môi trường làm việc luôn thông thoáng, sạch sẽ;
- Xử lý rác thải văn phòng và rác thải điện tử đúng theo quy định, tránh gây ra những tác động xấu gây ô nhiễm môi trường sống nói chung và xung quanh khu vực hoạt động nói riêng.

Ngoài ra, Khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chú ý đến mục tiêu sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng qua đóng góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, tiết kiệm chi phí hoạt động. TIE chưa từng bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG

ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN CÔNG TY

Yếu tố con người là một trong những yếu tố quan trọng góp phần giúp doanh nghiệp phát triển bền vững. Nhận thức được điều này, TIE luôn cố gắng tạo ra môi trường làm việc ổn định và thoả đáng cho người lao động đang công tác tại Công ty. Trong đó, mục tiêu mà Công ty muốn hướng đến là mọi cá nhân đều được có cơ hội phát triển.

Trên hết, Công ty luôn cố gắng đảm bảo được việc làm, thu nhập cho người lao động, tuân thủ thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định cho nhân viên của mình. Bên cạnh đó, Công ty duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm, tạo môi trường làm việc thân thiện, hiện đại nhằm đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần tốt giúp người lao động có cơ hội và động lực để có thể cống hiến hết sức mình vì mục tiêu phát triển chung mà TIE đã luôn hướng đến.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC

Trong suốt khoảng thời gian dài từ khi thành lập đến nay, TIE hân hạnh nhận được sự quan tâm, hợp tác, ủng hộ, tin tưởng từ Quý vị đối tác, Quý cổ đông và khách hàng. TIE xin gửi lời cảm ơn trân trọng và chân thành nhất tới Quý đối tác, Quý cổ đông và Quý khách hàng.

Những năm qua, TIE cũng gặp phải một số trở ngại do thị trường cạnh tranh cùng với việc một số chi nhánh hoạt động chưa hiệu quả, nên kết quả kinh doanh không đạt như kế hoạch. Tuy nhiên, với kế hoạch cơ cấu lại hoạt động kinh doanh và những quyết định cứng rắn trong việc cải tiến trong mô hình quản trị, bằng tất cả tâm huyết và sự cống hiến của mình Ban Tổng giám đốc Công ty sẽ cố gắng chỉ đạo thực hiện nhằm lấy lại được đà tăng trưởng và phát triển trong thời gian tới cho TIE.

TIE hy vọng rằng trong thời gian sắp tới tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ và hợp tác của Quý vị đối tác, Quý cổ đông và khách hàng trong thời gian tới để có thể thực sự hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

ĐỐI VỚI CÔNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Công ty cổ phần TIE luôn cố gắng duy trì các hoạt động nhằm thể hiện tinh thần tương thân tương ái đối với cộng đồng trong quá trình hoạt động. Công ty cổ phần TIE cùng với đơn vị liên kết là Công ty cổ phần Văn hóa TIE đã tham gia các hoạt động hướng đến cộng đồng của Công ty trong năm qua:

- Tài trợ chính Hội thi trực tuyến “Em yêu Tổ quốc Việt Nam”.
- Tài trợ độc quyền cuộc thi “Giải Lê Quý Đôn trên Báo Khăn Quàng Đỏ” 5 năm học 2016-2017 đến 2020-2021
- Tài trợ độc quyền cuộc thi “Giải Lê Quý Đôn trên Báo Nhi Đồng” 5 năm học 2016-2017 đến 2020-2021.
- Tài trợ chuyên mục “Chữ Đẹp Nhi Đồng trên Báo Nhi Đồng” 5 năm học 2016-2017 đến 2020-2021, đồng hành cùng các em học sinh trên cả nước vui học và rèn luyện chữ viết đẹp.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện nay Công ty không có tiểu ban Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2016

CÁC BUỔI HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị tổ chức tổng cộng 12 cuộc họp. Cụ thể tình hình tham gia của các thành viên như sau:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Ông Trần Thế Vinh	Chủ tịch	12/12	100%	Không có
Bà Đỗ Thị Kim Oanh	Thành viên	12/12	100%	Không có
Ông Lê Ngọc Hưng	Thành viên	12/12	100%	Không có

Các buổi họp của Hội đồng quản trị tập trung vào các nội dung:

- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc chấp hành các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị;
- Đánh giá tình hình thị trường để đưa ra những phương án kinh doanh thích hợp;
- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đại hội đồng cổ đông thông qua cho năm 2019;
- Giám sát, tư vấn, đưa ra các giải pháp, chiến lược để việc kinh doanh năm 2019 đạt hiệu quả;
- Phối hợp với Ban Kiểm soát giám sát về hoạt động quản trị Công ty của Ban Tổng Giám đốc: tình hình quản trị nhân sự, hoạt động tài chính, tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư và các vấn đề khác liên quan đến pháp lý của Công ty,...

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM 2019 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
A - Nghị quyết Hội đồng quản trị			
1	01/2019/NQ-HĐQT	25/01/2019	V/v Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Bình Dương
B - Quyết định Hội đồng quản trị			
1	01/2019/QĐ-HĐQT	05/03/2019	V/v Ký kết các hợp đồng thương mại giữa Cty TIE & Cty liên kết
2	02/2019/QĐ-HĐQT	06/03/2019	V/v Chấm dứt hoạt động chi nhánh công ty
3	03/2019/QĐ-HĐQT	20/03/2019	V/v Tổ chức ĐHCĐ Thường Niên năm 2019
4	04/2019/QĐ-HĐQT	10/04/2019	V/v Chủ trương góp vốn thành lập doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản tại Bình Chuẩn
5	05/2019/QĐ-HĐQT	13/04/2019	V/v Thông qua việc tái cấu trúc doanh mục đầu tư 30% vốn cho Văn Hóa TIE
6	06/2019/QĐ-HĐQT	22/04/2019	V/v Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ năm 2019
7	06-1/2019/QĐ-HĐQT	28/05/2019	V/v Bổ nhiệm TGD Công Ty TIE
8	06-2/2019/QĐ-HĐQT	01/07/2019	V/v Bổ nhiệm Kế Toán Trưởng Công Ty TIE
9	07/2019/QĐ-HĐQT	19/07/2019	V/v Góp Vốn thành lập doanh nghiệp và cử người đại diện phần vốn góp
10	08/2019/QĐ-HĐQT	19/07/2019	V/v cử người đại diện phần vốn góp thành lập doanh nghiệp
11	09/2019/QĐ-HĐQT	30/07/2019	V/v chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của TIE tại Công ty cổ phần Sản xuất – Thương mại Bến Nghé và Công ty cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Bến Nghé cho Công ty cổ phần Văn hóa TIE.
12	10/2019/QĐ-HĐQT	14/11/2019	Chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019
13	11/2019/QĐ-HĐQT	24/12/2019	Thống nhất góp vốn vào Công Ty Văn Hóa TIE

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÁC BUỔI HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tổng số buổi họp của Ban Kiểm soát trong năm 2019 là 03 cuộc họp.

Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm	Trưởng Ban	3/3	100%	Không có
Bà Lê Thị Thanh Hà	Thành viên	3/3	100%	Không có
Bà Nguyễn Thanh Vy	Thành viên	3/3	100%	Không có

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Với tinh thần trách nhiệm cao nhất, các thành viên Ban Kiểm soát đã phối hợp cùng với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty giám sát các hoạt động trong phạm vi chức năng của mình, để đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Việc phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, trao đổi bằng văn bản, thư điện tử tùy vào tình hình thực tế mà lựa chọn phương thức tối ưu nhất.

Ngoài các cuộc họp định kỳ, Ban Kiểm soát còn tổ chức các cuộc họp bất thường để nắm bắt toàn diện tình hình của Công ty và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh. Hoạt động của Ban Kiểm soát tập trung giải quyết những vấn đề sau:

- Giám sát việc quản lý và điều hành công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh: tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Năm 2019, do lợi nhuận âm nên công ty chưa trích thưởng cho Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng lương theo chức danh công việc đảm nhiệm tại Ban điều hành và các bộ phận công ty như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị - Ban Tổng giám đốc: 2.436.510.417 đồng;
- Ban kiểm soát : 120.000.000 đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có.

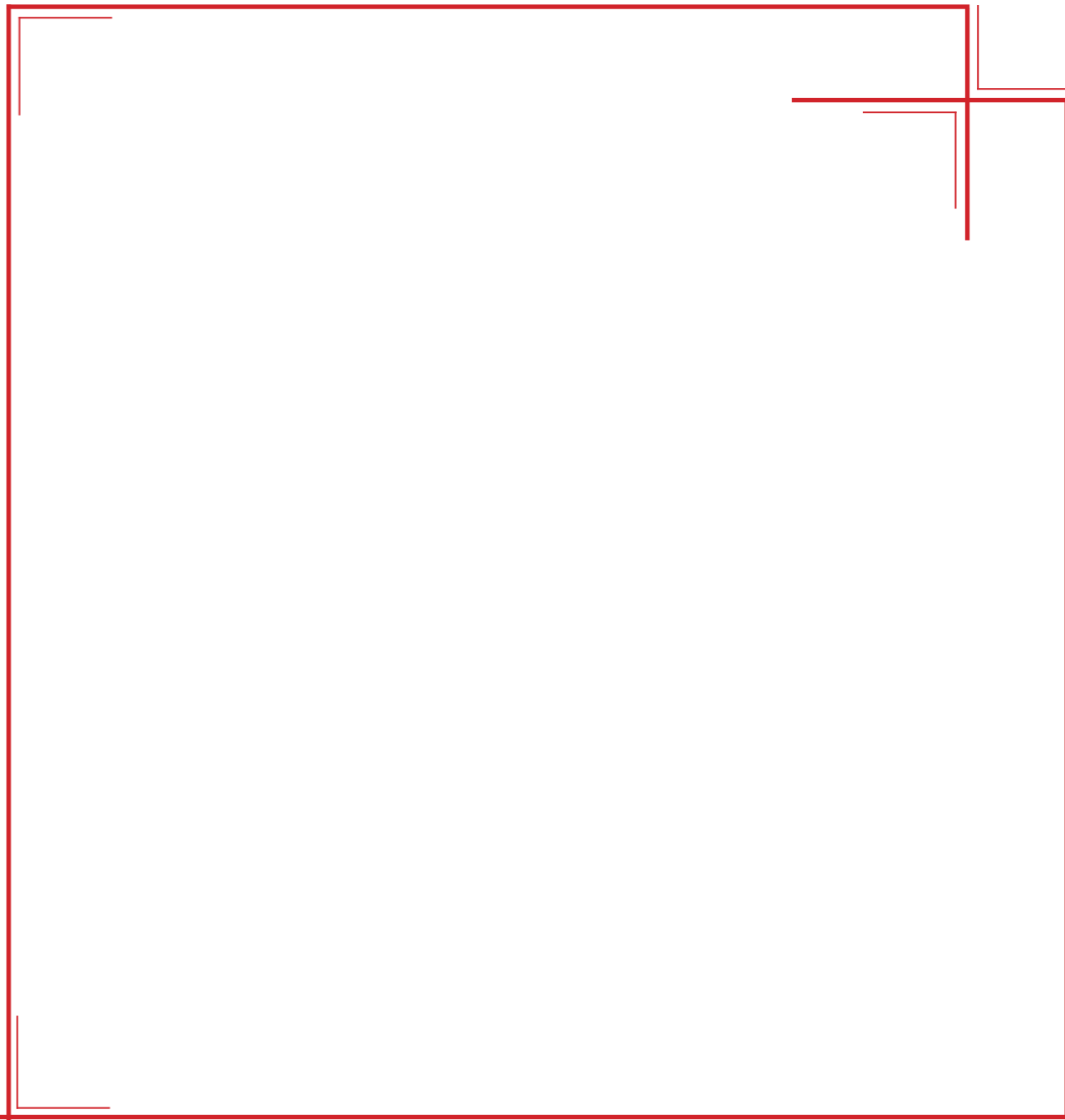
VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần TIE luôn tuân thủ và thực hiện đúng pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty và các quy chế quản trị nội bộ.





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần TIE và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần TIE được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu TIE. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301173454 (số cũ 4103002484) đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 1 đến lần 19 về việc bổ sung nghề kinh doanh, thay đổi người đại diện pháp luật, tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 262A, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3833 0855
- Fax : +84 (028) 3833 2754

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; đại lý ký gửi hàng hóa; mua bán hàng hóa liên quan đến các sản phẩm về giấy,...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Thế Vinh	Chủ tịch	Ngày 18 tháng 8 năm 2017
Bà Đỗ Thị Kim Oanh	Thành viên	Ngày 18 tháng 8 năm 2017
Ông Lê Ngọc Hưng	Thành viên	Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2017
Bà Nguyễn Thanh Vy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2017
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc	Ngày 28 tháng 5 năm 2016
Bà Phạm Thúy Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 13 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Chu Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 13 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 3 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Đỗ Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2020

Số: 1.1014/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 29 tháng 4 năm 2020, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược

Công ty chưa hợp nhất Báo cáo tài chính của hai công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Nghé được mua vào tháng 12 năm 2018 vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào 2 công ty con này cho Công ty Cổ phần Văn hóa TIE (là công ty liên kết của Tập đoàn). Nếu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Nghé được hợp nhất vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, nhiều chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ bị ảnh hưởng trọng yếu. Đồng thời, khi chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các công ty con này trong năm 2019, các khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng sẽ bị ảnh hưởng theo các ảnh hưởng của năm 2018. Các ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính hợp nhất do việc không hợp nhất Báo cáo tài chính của hai công ty con này là chưa thể xác định được.

- Ngoài ra, chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến:
- Khoản dự phòng 3.079.048.553 VND cho một số hàng tồn kho chậm luân chuyển có giá trị theo sổ sách là 4.016.296.742 VND.
 - Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Văn hóa TIE đang được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu với số tiền 15.380.701.081 VND.

Với các tài liệu và thông tin hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể xác định được khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho và khoản lỗ ghi nhận sau ngày đầu tư vào Công ty Cổ phần Văn hóa TIE bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Ý kiến trái ngược

Theo ý kiến của chúng tôi, do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược”, Báo cáo tài chính hợp nhất chưa phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2018-008-1

Nguyễn Quang Châu - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2607-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		144.067.637.572	64.543.609.237
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.241.673.919	9.183.541.826
1. Tiền	111		1.241.673.919	9.183.541.826
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		342.939.250	1.013.093.550
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.372.624.460	4.077.271.370
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1.029.685.210)	(3.064.177.820)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.342.742.771	19.122.937.154
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	38.635.584.388	25.232.839.609
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.744.819.721	894.867.698
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	78.967.404.646	5.114.539.625
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.005.065.984)	(12.119.309.778)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		28.411.327.912	27.987.219.177
1. Hàng tồn kho	141	V.7	39.410.117.398	46.122.434.013
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(10.998.789.486)	(18.135.214.836)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.728.953.720	7.236.817.530
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	340.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.411.959.384	6.037.629.216
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1.316.994.336	859.188.314
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.485.672.271	224.903.951.549
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	966.600.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	966.600.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.698.883.098	51.228.503.521
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	31.968.750.143	42.333.907.077
- Nguyên giá	222		49.398.151.130	65.977.541.246
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.429.400.987)	(23.643.634.169)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.730.132.955	8.894.596.444
- Nguyên giá	228		5.731.921.787	11.422.389.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.001.788.832)	(2.527.793.342)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	11.916.526.443	11.916.526.443
- Nguyên giá	231		13.531.170.316	13.531.170.316
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.614.643.873)	(1.614.643.873)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		90.022.594	90.022.594
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	90.022.594	90.022.594
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		66.346.793.976	50.224.139.480
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	-	19.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2c	23.659.317.726	25.356.663.230
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	45.994.710.000	8.674.710.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(3.307.233.750)	(3.307.233.750)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.433.446.160	110.478.159.511
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	795.447.739
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.13	1.433.446.160	109.682.711.772
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		260.553.309.843	289.447.560.786

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		70.412.552.002	73.441.762.147
I. Nợ ngắn hạn	310		70.412.552.002	73.441.762.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	15.328.008.373	10.502.155.303
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3.870.175.721	14.807.992.307
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	146.500.620	318.609.077
4. Phải trả người lao động	314		1.731.868.131	2.123.829.568
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.191.069.357	2.013.464.434
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		159.525.398	1.330.511.053
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	7.904.235.585	7.264.031.588
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	40.000.000.000	35.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	81.168.817	81.168.817
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.140.757.841	216.005.798.639
I. Vốn chủ sở hữu	410		190.140.757.841	216.005.798.639
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a,b	95.699.000.000	95.699.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.699.000.000	95.699.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	147.820.799.944	147.820.799.944
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	(50.796.033.745)	(34.809.496.693)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(34.378.966.108)	(34.809.496.693)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(16.417.067.637)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.20a	(2.583.008.358)	7.295.495.388
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		260.553.309.843	289.447.560.786

Lê Vũ Huỳnh Hương
Người lập

Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	91.426.708.223	110.113.107.558
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	392.716.310	8.667.186.413
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.033.991.913	101.445.921.145
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	73.536.758.753	101.141.429.185
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.497.233.160	304.491.960
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.279.617.764	6.797.822.363
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	(235.682.112)	928.821.773
Trong đó: chi phí lãi vay	23		104.635	405.479.452
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		(1.697.345.504)	(4.463.245.565)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	19.231.778.511	10.972.773.906
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	19.604.491.713	23.256.682.063
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.521.082.692)	(32.519.208.984)
12. Thu nhập khác	31	VI.8	3.564.209.079	10.723.789.882
13. Chi phí khác	32	VI.9	5.423.997.945	3.313.693.279
14. Lợi nhuận khác	40		(1.859.788.866)	7.410.096.603
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(20.380.871.558)	(25.109.112.381)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(20.380.871.558)</u>	<u>(25.109.112.381)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(16.417.067.637)	(24.159.784.485)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.963.803.921)	(949.327.896)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.10a, b	<u>(1.715)</u>	<u>(2.525)</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.10a, b	<u>(1.715)</u>	<u>(2.525)</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2020

Lê Vũ Huỳnh Hương
Người lập

Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(20.380.871.558)	(25.109.112.381)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9, 13	8.164.075.250	6.228.791.709
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, 7	(8.433.558.952)	3.405.410.442
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2a; VI.4, 9	(2.455.642.828)	(106.578.099)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	104.635	405.479.452
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(23.105.893.453)	(15.176.008.877)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		35.504.843.767	(118.834.063.485)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.392.940.184	(10.331.397.423)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.907.661.086)	164.354.431
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		178.979.050	(407.373.644)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		2.704.646.910	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(104.635)	(405.479.452)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.090.736.487)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(181.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>14.767.750.737</u>	<u>(148.262.504.937)</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(1.262.516.400)	(10.841.835.398)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		16.363.636	862.318.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(26.570.304.343)	(15.600.700.766)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	106.838.463	6.797.514.120
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>(27.709.618.644)</u>	<u>(18.782.703.862)</u>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.9	20.000.000.000	100.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.9	(15.000.000.000)	(65.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.000.000.000	35.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(7.941.867.907)	(132.045.208.799)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.183.541.826	141.228.750.625
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.241.673.919	9.183.541.826

Lê Vũ Huỳnh Hương
Người lập

Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2020

Đỗ Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại – dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; đại lý ký gửi hàng hóa; mua bán hàng hóa liên quan đến các sản phẩm về giấy, ...
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Cấu trúc Công ty**
Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Trong tháng 4 năm 2019, Tập đoàn đã chuyển nhượng 35% cổ phần tại Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển. Do chỉ còn nắm giữ 16% quyền biểu quyết nên Tập đoàn không còn kiểm soát công ty này. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất ở khoản mục “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.

Tài sản và nợ phải trả của Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển tại ngày thoái vốn như sau:

Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.164.120.010
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	21.851.638
Trả trước cho người bán ngắn hạn	249.170.105
Phải thu ngắn hạn khác	6.000.000
Hàng tồn kho	582.017.423
Chi phí trả trước ngắn hạn	192.663.764
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154.147.300
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	17.706.255.660
Giá trị hao mòn TSCĐ hữu hình	(10.332.431.784)
Nguyên giá TSCĐ vô hình	5.690.467.999
Giá trị hao mòn TSCĐ vô hình	(1.607.906.210)
Chi phí trả trước dài hạn	763.804.925
Nợ phải trả	
Phải trả người bán ngắn hạn	321.694.901
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	696.986.317
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	107.761.201
Phải trả người lao động	380.397.693
Phải trả ngắn hạn khác	184.178.362
Tài sản thuần	16.899.142.356
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng	35%
Tài sản thuần chuyển nhượng	5.914.699.825

Lãi/(Lỗ) liên quan đến thoái vốn tại Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển như sau:

Giá chuyển nhượng	81.637.500.000
Lợi thế thương mại chưa được phân bổ	(71.590.575.761)
Phần tài sản thuần chuyển giao cho bên khác	(5.914.699.825)
Lãi/(Lỗ) thoái vốn	4.132.224.414

Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển:

Thu bằng tiền	11.662.500.000
Tiền và các khoản tương đương tiền tại các công ty con tại ngày chuyển nhượng	(5.164.120.010)
Tiền thu thuần	(6.498.379.990)

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn (*)	Số 760, đường Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Thiết kế, kinh doanh phần mềm, thiết bị điện tử và máy vi tính.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc (tên cũ là Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE)	Tầng 9, Tòa nhà Vietcomreal - Số 68, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và bán buôn các sản phẩm tập giấy.	90,00%	90,00%	90,00%

(*) Ngày 02 tháng 3 năm 2020, Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn đã giải thể theo Thông báo số 176092/20 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

5c. Danh sách các công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE	Số 41/7, đường TMT 3, Khu phố 1, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Đại lý vé tàu, vé máy bay; khách sạn; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; dịch vụ phục vụ đồ uống; bán buôn thực phẩm; bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; hoạt động của các cơ sở thể thao; hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; săn sóc da mặt; cắt tóc, làm đầu, gội đầu; cho thuê xe có động cơ; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.	20%	20%	20%	20%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE	Số 63, đường Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm; bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh (có nội dung được phép lưu hành).	43%	43%	43%	43%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 75 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 148 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn là quyền sử dụng thửa đất tại số 249, đường Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 173,3 m². Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn và không tính khấu hao.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

18. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	150.703.494	938.236.514
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.090.970.425	8.125.902.342
Tiền đang chuyển	-	119.402.970
Cộng	1.241.673.919	9.183.541.826

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	980.000.000	-	(980.000.000)	980.000.000	-	(980.000.000)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	14.020	10.050	(3.970)	443.592.470	365.453.550	(78.138.920)
Công ty Cổ phần Vận chuyển Saigon Tourist	389.683.400	342.269.200	(47.414.200)	396.936.100	-	(396.936.100)
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	2.927.040	660.000	(2.267.040)	2.256.742.800	647.640.000	(1.609.102.800)
Cộng	1.372.624.460	342.939.250	(1.029.685.210)	4.077.271.370	1.013.093.550	(3.064.177.820)

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín: giảm do bán 31.640 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 443.578.450 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận chuyển Saigon Tourist: giảm do bán 700 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 7.252.700 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình: giảm do bán 46.200 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 2.253.815.760 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.064.177.820	2.593.664.520
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	(2.034.492.610)	470.513.300
Số cuối năm	1.029.685.210	3.064.177.820

2b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bến Nghé ⁽ⁱ⁾	-	-	14.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Nghé ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	5.000.000.000	-
Cộng	-	-	19.500.000.000	-

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302382940 thay đổi lần thứ 17 ngày 31 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn sở hữu 3.100.000 cổ phần chiếm 77,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bến Nghé với giá chuyển nhượng là 62.000.000.000 VND, giá trị đã đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 14.500.000.000 VND. Trong năm, Tập đoàn đã thanh toán bổ sung cho cổ đông cũ với số tiền là 22.000.000.000 VND để đạt tỷ lệ góp đủ 77,5% cổ phần, sau đó Tập đoàn đã chuyển nhượng 77,5% cổ phần cho Công ty Cổ phần Văn hóa TIE với giá gốc bằng giá chuyển nhượng với số tiền là 36.500.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn không còn sở hữu cổ phần tại công ty này.

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312442500 thay đổi lần thứ 07 ngày 11 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn sở hữu 777.500 cổ phần chiếm 77,75% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Nghé với giá chuyển nhượng là 15.550.000.000 VND, giá trị đã đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.000.000.000 VND. Trong năm, Tập đoàn đã thanh toán bổ sung cho cổ đông cũ với số tiền là 4.570.304.343 VND để đạt tỷ lệ góp đủ 77,75% cổ phần, sau đó Tập đoàn đã chuyển nhượng 77,75% cổ phần cho Công ty Cổ phần Văn hóa TIE với giá gốc bằng giá chuyển nhượng với số tiền là 9.570.304.343 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn không còn sở hữu cổ phần tại công ty này.

2c. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE ⁽ⁱ⁾	8.400.000.000	(121.383.355)	8.278.616.645	8.400.000.000	(83.878.826)	8.316.121.174
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE ⁽ⁱⁱ⁾	29.240.000.000	(13.859.298.919)	15.380.701.081	29.240.000.000	(12.199.457.944)	17.040.542.056
Cộng	37.640.000.000	(13.980.682.274)	23.659.317.726	37.640.000.000	(12.283.336.770)	25.356.663.230

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313435866 ngày 10 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE 8.400.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313937520 ngày 26 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Văn hóa TIE 29.240.000.000 VND, tương đương 43% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phản lãi hoặc lỗ trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE	8.316.121.174	(37.504.529)	8.278.616.645
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE	17.040.542.056	(1.659.840.975)	15.380.701.081
Cộng	25.356.663.230	(1.697.345.504)	23.659.317.726

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con và các công ty liên kết

Các giao dịch giữa Tập đoàn với các công ty con và các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển (Công ty con đầu năm, cuối năm là khoản đầu tư thường)		
Mua dịch vụ	342.202.560	34.098.182
Bán hàng hóa	165.055.095	94.705.495
Cho thuê	66.277.500	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bến Nghé (Công ty con đầu năm)		
Mua hàng	13.384.233.373	204.962.853
Thu hộ	89.402.270	-
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE		
Mua hàng hóa	36.591.251.064	67.449.956.679
Bán hàng hóa	13.801.269.374	45.186.890.463
Hàng trả lại	2.912.400	-
Chiết khấu hàng bán	67.641.295	-
Doanh thu cho thuê	1.363.636.364	-
Thu hộ	168.563.054	3.949.612.632
Chi hộ	-	500.700.406
Cán trừ công nợ	-	819.310.713
Cho mượn tiền	-	-
Công ty bán 30% vốn đầu tư tương ứng 450.000 cổ phần với giá chuyển nhượng bằng giá vốn	69.975.000.000	-
Công ty bán 77,5% cổ phần thuộc sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bến Nghé cho công ty liên kết này với giá gốc bằng giá chuyển nhượng	36.500.000.000	-
Công ty bán 77,75% cổ phần thuộc sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Nghé cho công ty liên kết này với giá gốc bằng giá chuyển nhượng	9.570.304.343	-

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	8.674.710.000	(3.307.233.750)	8.674.710.000	(3.307.233.750)
Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển ⁽ⁱⁱ⁾	37.320.000.000	-	-	-
Cộng	45.994.710.000	(3.307.233.750)	8.674.710.000	(3.307.233.750)

(i) Tập đoàn sở hữu 1.431.327 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn VND, tương đương 4,4% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400338328 thay đổi lần thứ 15 ngày 30 tháng 10 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, Tập đoàn sở hữu 765.000 cổ phần (tương đương 51% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển với giá trị đã đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 118.957.500.000 VND.

Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng 525.000 cổ phần (tương đương 35% vốn điều lệ), chi tiết như sau:

- Chuyển nhượng 450.000 cổ phần (tương đương 30% vốn điều lệ) cho Công ty Cổ phần Văn hóa TIE với giá chuyển nhượng bằng giá gốc với số tiền là 69.975.000.000 VND.
- Chuyển nhượng 75.000 cổ phần (tương đương 5% vốn điều lệ) cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phụng Hoàng Kim với giá chuyển nhượng bằng giá gốc với số tiền là 11.662.500.000 VND.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn còn sở hữu 240.000 cổ phần (tương đương 16% vốn điều lệ) của công ty này.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	14.853.915.631	-
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE	1.721.407.716	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	165.019.479	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Nghé	12.967.488.436	-
Phải thu các khách hàng khác	23.781.668.757	25.232.839.609
Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi	13.405.372.168	13.405.372.168
Các khách hàng khác	10.376.296.589	11.827.467.441
Cộng	38.635.584.388	25.232.839.609

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE (là bên liên quan)	437.495.892	-
Công ty Cổ phần Mỹ nghệ Tổng hợp Xuất khẩu	500.000.001	-
Taizhou Hoolea Plastic Mould., Ltd.	259.406.250	-
Zhejiang sinopencial Co., Ltd.	167.328.000	-
Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại Sen Vàng	-	390.000.000
Công ty TNHH Giấy Minh Cường Phát	-	112.020.000
Các nhà cung cấp khác	380.589.578	392.847.698
Cộng	1.744.819.721	894.867.698

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	73.523.760.380	-	-	-
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE – tiền chuyển nhượng các khoản đầu tư	73.466.054.795	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Nghé – tiền mượn	57.705.585	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.443.644.266	-	5.114.539.625	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Thế hệ mới NGT – tiền góp vốn	3.210.000.000	3.210.000.000	3.210.000.000	3.210.000.000
Công ty TNHH Mega TIE – các khoản chi hộ	438.100.000	-	438.100.000	-
Các khoản bảo hiểm nợ thừa	1.880.104	-	325.000	-
Tạm ứng	98.250.500	-	138.701.538	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	5.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.690.413.662	-	1.327.413.087	-
Cộng	78.967.404.646	3.210.000.000	5.114.539.625	3.210.000.000

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi – phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	13.405.372.168	8.300.000.000	Trên 2 năm đến dưới 3 năm	13.405.372.168 8.300.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hải Tàu – phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.013.772.726	-	Trên 2 năm đến dưới 3 năm	1.013.772.726 -
Công ty Cổ phần Viễn thông Thế hệ mới NGT – phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp	Trên 3 năm	3.210.000.000	-	Trên 3 năm	3.210.000.000 -
Công ty TNHH Bán Lê Phương Nam	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	649.613.430	324.806.715	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	649.613.430 454.729.401
Công ty TNHH MTV In Thành Nghĩa Thành Phố Hồ Chí Minh	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	190.300.814	95.150.407	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	190.300.814 133.210.570
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Quá hạn từ dưới 3 tháng đến trên 3 năm	17.089.764.762	14.833.800.794	Quá hạn từ dưới 3 tháng đến trên 3 năm	2.883.240.340 345.056.527
Cộng		35.558.823.900	23.553.757.916		21.352.306.276 9.232.996.498

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tập đoàn là khu đất có diện tích 38.887,9 m² tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí định giá đất Bình Chuẩn.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty mẹ chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế được chuyển sang bù trừ thu nhập chịu thuế của các năm sau.

Chi tiết lỗ tính thuế được chuyển sang bù trừ thu nhập chịu thuế của các năm sau:

Năm 2015	12.096.739.149
Năm 2017	55.663.140.994
Năm 2018	19.431.488.380
Năm 2019	21.646.789.270
Cộng	108.838.157.793

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản lỗ này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh do hợp nhất kinh doanh liên quan đến việc mua 2 công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc	Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.389.076.936	110.779.854.275	113.168.931.211
Giảm do thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	-	(110.779.854.275)	(110.779.854.275)
Số cuối năm	2.389.076.936	-	2.389.076.936
Số đã phân bổ			
Số đầu năm	716.723.082	2.769.496.357	3.486.219.439
Phân bổ trong năm	238.907.694	3.692.661.809	3.931.569.503
Giảm do thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	-	(6.462.158.166)	(6.462.158.166)
Số cuối năm	955.630.776	-	955.630.776
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.672.353.854	108.010.357.918	109.682.711.772
Số cuối năm	1.433.446.160	-	1.433.446.160

14. Phải trả người bán

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.977.649.493	699.634.298
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE	-	699.634.298
Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	376.422.815	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ tổng hợp Bến Nghé	3.601.226.678	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	11.350.358.880	9.802.521.005
Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi	4.296.557.835	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sản xuất Giấy Khái Hoàn	1.402.933.800	-
Logitech Asia Pacific Ltd.	3.461.813.889	3.461.813.889
Các nhà cung cấp khác	2.189.053.356	6.340.707.116
Cộng	15.328.008.373	10.502.155.303

14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Nợ quá hạn chưa thanh toán của Tập đoàn chỉ có Logitech Asia Pacific Ltd.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà sách Nguyễn Huy	148.993.106	148.993.106
Cửa hàng Chiến	434.349.852	-
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE (là bên liên quan)	-	12.999.729.355
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phú Quốc	361.005.354	-
Các khách hàng khác	2.925.827.409	1.659.269.846
Cộng	3.870.175.721	14.807.992.307

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Xử lý khi thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	72.299.996	2.451.488	866.901.135	(829.285.942)	(107.463.701)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	460.450.367	(460.450.367)	-	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	148.192.859	(148.192.859)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	852.283.226	12.252.456	-	150.000.000	-	690.030.770
Thuế thu nhập cá nhân	246.309.081	-	422.207.507	(521.718.468)	(297.500)	146.500.620	-
Tiền thuê đất	-	-	259.730.889	(886.694.455)	-	-	626.963.566
Các loại thuế khác	-	4.453.600	139.054.632	(138.748.332)	4.147.300	-	-
Cộng	318.609.077	859.188.314	2.308.789.845	(2.985.090.423)	46.386.099	146.500.620	1.316.994.336

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ bảo hành, màn hình vi tính, tập, giấy nguyên liệu,...	10%
Hàng hóa xuất khẩu	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp ở từng công ty trong Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn	-	-	-	12.252.456
Công ty Cổ phần TIE	-	690.030.770	-	690.030.770
Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	-	-	-	150.000.000
Cộng	-	690.030.770	-	852.283.226

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu thanh toán đúng hạn	516.600.000	587.436.807
Chi phí hỗ trợ cho đại lý bán hàng	643.592.157	1.385.459.427
Chi phí điện, mực in, quảng cáo Adata và khác	30.877.200	40.568.200
Cộng	1.191.069.357	2.013.464.434

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi – phải trả tiền mua vốn góp vào Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc	5.300.000.000	5.300.000.000
Kinh phí công đoàn	238.118.482	164.141.826
Bảo hiểm xã hội	13.771.190	72.330.753
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	43.947.173	43.947.173
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	536.400.857	636.868.857
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.771.997.883	1.046.742.979
Cộng	7.904.235.585	7.264.031.588

18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi về khoản phải trả tiền mua vốn góp Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc với số tiền 5.300.000.000 VND do còn đang tranh chấp, chưa thống nhất về số liệu công nợ (số đầu năm là 5.300.000.000 VND).

19. Vay ngắn hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Quản lý An Phú (*)	35.000.000.000	5.000.000.000	-	40.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Đông Á	-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-
Cộng	35.000.000.000	20.000.000.000	(15.000.000.000)	40.000.000.000

(*) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Quản lý An Phú theo Hợp đồng số 76/2018/HĐT-TIE ngày 08 tháng 10 năm 2018 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, lãi suất 5%/năm. Tập đoàn không tiếp tục gia hạn khoản vay và đang làm thủ tục thanh lý với bên cho vay.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	81.168.817	262.968.817
Chi quỹ trong năm	-	(181.800.000)
Số cuối năm	81.168.817	81.168.817

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	95.699.000.000	147.820.799.944	(10.577.712.208)	387.869.549	233.329.957.285
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(24.159.784.485)	(949.327.896)	(25.109.112.381)
Trích thù lao trong năm trước	-	-	(72.000.000)	-	(72.000.000)
Giá trị phần sở hữu Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển tại ngày mua	-	-	-	7.856.953.735	7.856.953.735
Số dư cuối năm trước	95.699.000.000	147.820.799.944	(34.809.496.693)	7.295.495.388	216.005.798.639
Số dư đầu năm nay	95.699.000.000	147.820.799.944	(34.809.496.693)	7.295.495.388	216.005.798.639
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(16.417.067.637)	(3.963.803.921)	(20.380.871.558)
Giá trị phần sở hữu Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển tại ngày mua	-	-	-	(5.914.699.825)	(5.914.699.825)
Điều chỉnh khác	-	-	430.530.585	-	430.530.585
Số dư cuối năm nay	95.699.000.000	147.820.799.944	(50.796.033.745)	(2.583.008.358)	190.140.757.841

21b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.569.900	9.569.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu phổ thông	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu phổ thông	9.569.900	9.569.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất
22a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.926,89	2.800,89
Nhân dân tệ (CNY)	-	44.738,00

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Ông Phạm Văn Hoàng	5.879.892.055	5.879.892.055	Không có khả năng thu nợ
Công ty TNHH Thương mại			
Nguyên Khang	2.401.047.488	-	Không có khả năng thu nợ
Các đối tượng khác	3.897.692.654	1.362.732.062	Không có khả năng thu nợ
Cộng	12.178.632.197	7.242.624.117	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu Công ty Cổ phần TIE	82.797.948.275	105.573.891.726
Doanh thu bán hàng hóa	82.797.948.275	105.173.197.730
Doanh thu bán thành phẩm	-	7.923.996
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	392.770.000
Doanh thu của Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc	119.210.397	220.977.105
Doanh thu của Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	8.509.549.551	4.318.238.727
Cộng	91.426.708.223	110.113.107.558

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	-	2.993.160.230
Hàng bán bị trả lại	391.140.878	5.674.026.183
Giảm giá hàng bán	1.575.432	-
Cộng	392.716.310	8.667.186.413

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của Công ty Cổ phần TIE	70.189.063.669	98.214.093.617
Giá vốn của hàng hóa đã bán	70.188.592.316	98.166.176.553
Giá vốn của thành phẩm đã bán	471.353	47.917.064
Giá vốn của Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc	73.503.213	192.897.105
Giá vốn của Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	3.274.191.871	2.734.438.463
Cộng	73.536.758.753	101.141.429.185

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	98.642.018	6.740.929.743
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.196.445	19.576.377
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	40.462.206	308.243
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	37.008.000
Lãi thoái vốn khỏi công ty con	4.132.224.414	-
Doanh thu tài chính khác	92.681	-
Cộng	4.279.617.764	6.797.822.363

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	104.635	405.479.452
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	100.437.473	52.263.450
Lỗ bán chứng khoán kinh doanh	1.695.116.910	-
Dự phòng/ (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.034.492.610)	470.513.300
Chi phí tài chính khác	3.151.480	565.571
Cộng	(235.682.112)	928.821.773

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.010.925.092	3.850.747.724
Chi phí vật liệu, bao bì	6.900.000	15.014.350
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.414.031	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	871.327.495	998.026.716
Chi phí bảo hành	-	517.516.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.201.686.138	924.938.259
Các chi phí khác	10.118.525.755	4.666.530.424
Cộng	19.231.778.511	10.972.773.906

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.243.694.867	7.871.693.275
Chi phí vật liệu quản lý	83.808.806	114.727.085
Chi phí đồ dùng văn phòng	124.818.877	34.187.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.853.520.946	2.222.360.942
Thuế, phí và lệ phí	11.064.400	49.189.766
Hoàn nhập nợ phải thu khó đòi	-	(414.473.080)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.146.929.359	3.657.158.348
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	3.931.569.503	3.010.397.535
Các chi phí khác	1.209.084.955	6.711.441.170
Cộng	19.604.491.713	23.256.682.063

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ, Quận 10 do chưa chuyển giao	-	1.145.709.684
Tiền cho thuê mặt bằng tại Phú Quốc	656.373.370	566.744.996
Nợ không phải trả của TP Vision Singapore Pte. Ltd.	-	8.898.378.454
Thanh lý hàng tồn kho	1.401.760.148	-
Thu tiền cho thuê máy móc, thiết bị	1.363.636.364	-
Các khoản thu nhập khác	142.439.197	112.956.748
Cộng	3.564.209.079	10.723.789.882

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý tài sản cố định	86.074.545	2.227.690.456
Tiền thuê đất tại số 376 Điện Biên Phủ, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	-	549.299.556
Xóa sổ nợ phải thu không thể thu hồi được	-	408.103.428
Giá trị của hàng tồn kho thanh lý	4.691.942.128	-
Chi phí khấu hao của máy móc cho thuê	300.659.628	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	69.327.256
Chi phí khác	345.321.644	59.272.583
Cộng	5.423.997.945	3.313.693.279

10. Lãi trên cổ phiếu
10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(16.417.067.637)	(24.159.784.485)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(16.417.067.637)	(24.159.784.485)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	9.569.900	9.569.900
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.715)	(2.525)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	237.941.714	163.928.457
Chi phí nhân công	13.254.619.959	11.722.440.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.931.846.119	3.220.387.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.348.615.497	4.582.096.607
Chi phí khác	15.063.246.935	14.540.602.248
Cộng	38.836.270.224	34.229.455.969

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) của Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm tiền lương, tiền thưởng với tổng số tiền trong năm là 2.655.510.000 VND (năm trước là 2.894.375.001 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Các bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tiên Đạt - TIE	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Văn hóa TIE	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Bốn Biển	Công ty con đầu năm trở thành khoản đầu tư thông thường cuối năm
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Biển Nghệ	Công ty con đầu năm trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Văn hóa TIE (công ty liên kết) trong năm
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Nghệ	Công ty con đầu năm trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Văn hóa TIE (công ty liên kết) trong năm

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh với bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số V.2c.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V5, V.14a và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh thương mại (chủ yếu là lĩnh vực điện tử và văn phòng phẩm) và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.241.673.919	-	-	1.241.673.919
Chứng khoán kinh doanh	-	-	1.372.624.460	1.372.624.460
Phải thu khách hàng	6.882.362.605	23.147.501.407	8.605.720.376	38.635.584.388
Các khoản phải thu khác	75.469.808.538	-	3.399.345.608	78.869.154.146
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	45.994.710.000	45.994.710.000
Cộng	83.593.845.062	23.147.501.407	59.372.400.444	166.113.746.913
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.183.541.826	-	-	9.183.541.826
Chứng khoán kinh doanh	-	-	4.077.271.370	4.077.271.370
Phải thu khách hàng	2.324.753.415	8.393.075.456	14.515.010.738	25.232.839.609
Các khoản phải thu khác	2.732.438.087	-	3.210.000.000	5.942.438.087
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	8.674.710.000	8.674.710.000
Cộng	14.240.733.328	8.393.075.456	30.476.992.108	53.110.800.892

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 6 tháng	12.145.306.918	93.075.456
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	135.923.532	-
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	423.841.126	-
Quá hạn trên 2 năm đến dưới 3 năm	-	8.300.000.000
Quá hạn trên 3 năm	10.442.429.831	-
Cộng	23.147.501.407	8.393.075.456

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính theo kỳ hạn còn lại là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn bằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn có nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho quá trình kinh doanh với đồng tiền giao dịch là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.926,89	2.800,89
Phải trả người bán	(152.268,04)	(152.268,04)
Nợ phải trả thuần có gốc USD	(150.341,15)	(149.467,15)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.241.673.919	-	9.183.541.826	-
Chứng khoán kinh doanh	1.372.624.460	(1.029.685.210)	4.077.271.370	(3.064.177.820)
Phải thu khách hàng	38.635.584.388	(8.795.065.984)	25.232.839.609	(8.909.309.778)
Các khoản phải thu khác	78.869.154.146	(3.210.000.000)	5.942.438.087	(3.210.000.000)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	45.994.710.000	(3.307.233.750)	8.674.710.000	(3.307.233.750)
Cộng	166.113.746.913	(16.341.984.944)	53.110.800.892	(18.490.721.348)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	15.328.008.373	10.502.155.303
Vay và nợ	40.000.000.000	35.000.000.000
Các khoản phải trả khác	8.843.415.270	9.041.023.443
Cộng	64.171.423.643	54.543.178.746

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2020

 Lê Vũ Huỳnh Hương Người lập	 Phạm Thúy Oanh Kế toán trưởng	 Đỗ Thị Kim Oanh Tổng Giám đốc
------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Ngày 20 tháng 05 năm 2020

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



ĐỖ THỊ KIM OANH